

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 3100978567

Đăng ký lần đầu: ngày 08 tháng 07 năm 2014

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 21 tháng 10 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG NGUYỄN ANH**

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: **CÔNG TY CP SX VLXD NGUYỄN ANH**

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Xuân Kiều, Xã Quảng Xuân, Huyện Quảng Trạch, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam

Điện thoại: **0911.365.699**

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ: 27.310.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai mươi bảy tỷ ba trăm mười triệu đồng

Mệnh giá cổ phần: **10.000 đồng**

Tổng số cổ phần: **2.731.000**

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* **Họ và tên: PHẠM HỮU MẠNH**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: **Giám đốc**

Sinh ngày: **09/11/1990**

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: **044090011239**

Ngày cấp: **05/01/2022**

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Tổ dân phố Cầu, Phường Quảng Thuận, Thị Xã Ba Đồn, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Tổ dân phố Cầu, Phường Quảng Thuận, Thị Xã Ba Đồn, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam*

Phạm Hữu Mạnh

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Văn Hiếu

Số: 377.../QĐ-UBND

Quảng Trách, ngày 11 tháng 02 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy sản xuất bê tông tươi thương phẩm - gạch không nung

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2013/TT-BXD ngày 08/02/2013 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 29/2011/QĐ-UBND ngày 20/12/2011 UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 14/02/2012 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc công bố các thủ tục hành chính chung thuộc lĩnh vực xây dựng áp dụng tại cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ Quyết định số 999/QĐ-UBND ngày 03/5/2012 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc công bố đơn giá khảo sát xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2692/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc chấp thuận địa điểm cho Công ty Cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Nguyên Anh lập quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy sản xuất bê tông tươi thương phẩm, gạch không nung;

Căn cứ Công văn số 75/KKT-QHXD ngày 22/01/2015 của Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Quảng Bình về việc tham gia góp ý đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy sản xuất bê tông tươi thương phẩm - gạch không nung của Công ty CP SXVLXD Nguyên Anh;

Căn cứ Thông báo số 168/TB-UBND ngày 22/11/2014 về việc chấp nhận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án: Trạm trộn bê tông thương phẩm.

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Nguyên Anh tại tờ trình số 10/TTr-SXVLNA ngày 08 tháng 01 năm 2015 của Công ty CP SXVLXD Nguyên Anh về việc xin phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy sản xuất bê tông tươi thương phẩm - gạch không nung, xã Quảng Xuân, huyện

Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình và Báo cáo thẩm định của Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện Quảng Trạch.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy sản xuất bê tông tươi thương phẩm - gạch không nung, xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình với những nội dung sau:

1. Tên dự án:

Quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy sản xuất bê tông tươi thương phẩm - gạch không nung.

2. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch:

- Phía Bắc: Giáp đường giao thông (đường đất).

- Phía Đông: Giáp đất chưa sử dụng.

- Phía Nam: Giáp đất chưa sử dụng.

- Phía Tây: Giáp đất đất bằng chưa sử dụng.

3. Tổng diện tích khu vực được lập QH chi tiết: 10.245 m².

Về quy mô sử dụng đất:

Bảng tổng hợp cơ cấu sử dụng đất

TT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH M ²
1	Văn phòng hành chính	204
2	Nhà để máy phát điện + trạm biến áp	30
3	Nhà để xe nhân viên	75
4	Nhà bảo vệ	12
5	Nhà để xe - máy	320
6	Phòng thí nghiệm vật liệu	150
7	Nhà sản xuất vật liệu	200
8	Bãi vật liệu cát đá	1.246,2
9	Trạm trộn bê tông	981,6
10	Bãi đỗ xe - máy phụ	886,3
11	Sân vườn nội bộ	2.682,1
12	đường giao thông	2.716,1
13	Cây xanh bao che	741,7
	Tổng cộng	10.245,0

Giao thông:

+ Giao thông đối ngoại:

Khu vực quy hoạch có vị trí thuận lợi về giao thông, phía Bắc giáp đường đất có bề rộng từ 5-7m sau quy hoạch rộng 8m đảm bảo cho việc kết nối với bên ngoài thuận lợi.

+ Giao thông đối nội:

Quy hoạch bố trí tuyến đường chính rộng 17,5m dài 112,5m và các tuyến đường 5-7m thuận tiện cho việc đi lại và sản xuất.

Cấp điện:

Nguồn điện cung cấp cho khu quy hoạch được lấy từ đường dây trung thế 0,4 kV hiện có cách khu quy hoạch 45m, lắp một trạm biến áp tại khu vực để đảm bảo nguồn điện cung cấp cho các thiết bị trong công trình.

Thoát nước:

Hệ thống nước thải nhà máy được xử lý đạt tiêu chuẩn sau đó chảy ra môi trường.

Nước mưa được thu gom qua hệ thống mương, hồ ga đặt dọc theo các tuyến đường nội bộ.

Cấp nước:

Nước sản xuất và sinh hoạt sử dụng nguồn nước thủy cục do Công ty cấp nước Thị xã Ba Đồn cung cấp.

Để chủ động trong việc cấp nước cho sản xuất, nguồn nước cung cấp dự phòng công ty sử dụng giếng khoan ngầm cấp bằng bơm công suất 10m³/h.

4. Bản đồ quy hoạch chi tiết kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao trách nhiệm cho Công ty Cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Nguyên Anh chủ trì cùng với đơn vị tư vấn quy hoạch xây dựng, tổ chức công bố Quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy sản xuất bê tông tươi thương phẩm - gạch không nung. Phối hợp với Phòng Tài nguyên Môi trường huyện và các đơn vị liên quan cắm mốc đúng quy hoạch đã được duyệt.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Quảng Xuân, Giám đốc Công ty Cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Nguyên Anh và thủ trưởng các ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TV Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- Lưu: VT, KT&HT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Bình

Quảng Bình, ngày 21 tháng 10 năm 2020

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số 1169 /GPXD

1. Cấp cho: Công ty Cổ phần SXVLXD Nguyễn Anh
 - Địa chỉ: Thôn Xuân Kiều, xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình
2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án: Xây dựng nhà máy sản xuất bê tông tươi thương phẩm
 - Do Công ty TNHH Tư vấn kỹ thuật Quảng Bình thiết kế
 - Vị trí xây dựng: Thửa đất số 08, tờ bản đồ số 19, xã Quảng Xuân thuộc Khu kinh tế Hòn La, tỉnh Quảng Bình
 - Chỉ giới xây dựng các công trình chính:
 - + Hàng rào trùng với ranh giới khu đất.
 - + Các công trình hạ tầng kỹ thuật được phép xây dựng gần hàng rào.
 - Màu sắc công trình: Lựa chọn màu sắc công trình phù hợp, hài hòa với cảnh quan xung quanh.
 - Mật độ xây dựng: 32%
 - Tổng số công trình xây dựng mới: 07 công trình chính; cụ thể như sau:
 - + Công trình số 1: Nhà điều hành và nhà để xe
 - Diện tích xây dựng: 425m²
 - Chiều cao công trình: 8,12m
 - Cốt xây dựng công trình: cos 0,00 của công trình cao hơn +1,36m so với cao độ san nền theo quy hoạch của lô đất.
 - Số tầng: 01 tầng
 - + Công trình số 2: Nhà xưởng:
 - Diện tích xây dựng: 994,7m²
 - Chiều cao công trình: 11,6m
 - Cốt xây dựng công trình: cos 0,00 của công trình cao hơn +0,15m so với cao độ san nền theo quy hoạch của lô đất.
 - Số tầng: 01 tầng
 - + Công trình số 3: Phòng thí nghiệm:
 - Diện tích xây dựng: 201,9m²
 - Chiều cao công trình: 4,2m
 - Cốt xây dựng công trình: cos 0,00 của công trình cao hơn +0,3m so với cao độ san nền theo quy hoạch của lô đất.
 - Số tầng: 01 tầng
 - + Công trình số 4: Khu vực trạm trộn
 - Diện tích xây dựng: 1.500m²
 - Chiều cao công trình: 18,5m

· Cốt xây dựng công trình: cos 0,00 của công trình cao hơn +0,00m so với cao độ san nền theo quy hoạch của lô đất.

· Số tầng: 01 tầng

+ Công trình số 5: Kho vật tư:

· Diện tích xây dựng: 79m²

· Chiều cao công trình: 4,2m

· Cốt xây dựng công trình: cos 0,00 của công trình cao hơn +0,3m so với cao độ san nền theo quy hoạch của lô đất.

· Số tầng: 01 tầng

+ Các công khác: Hệ thống giao thông nội bộ, Trạm cân, các bãi tập kết vật liệu, bể xử lý nước thải, PCCC, nước sản xuất; khu vực đậu và rửa xe; cây xanh sân vườn thể hiện trên mặt bằng tổng thể

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Quyết định số 1038/QĐ-KKT ngày 20/4/2015 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc cho Công ty Cổ phần SXVLXD Nguyên Anh thuê đất để thực hiện dự án Xây dựng nhà máy sản xuất bê tông tươi thương phẩm tại xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch.

4. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng Ban (b/c);
- Lưu: VT, QHXD.



KT. TRƯỞNG BAN
PHỤ TRƯỞNG BAN

Phòng Ban Quản lý Khu kinh tế
Số 20/Đ-ĐT
03:44.2219992+07:00

Phạm Tiến Duật

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG NGUYỄN ANH
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3100978567, đăng ký lần đầu ngày
08 tháng 7 năm 2014, đăng ký thay đổi lần thứ 4, ngày 10 tháng 4 năm 2019
Cơ quan ký: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình
Địa chỉ trụ sở chính: thôn Xuân Kiêu, xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch, tỉnh
Quảng Bình

DB 706911

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 08, tờ bản đồ số: 19
 b) Địa chỉ: thôn Xuân Kiêu, xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình
 c) Diện tích: 10.245,0 m², (Bằng chữ: Mười nghìn hai trăm bốn mươi lăm phẩy không mét vuông)
 d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
 đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
 e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 20 tháng 4 năm 2065
 g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Xây dựng nhà máy sản xuất bê tông tươi thương phẩm

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà xưởng	900,0	900,0	Sở hữu riêng	III	Đến ngày 20/4/2065
Phòng thí nghiệm	186,1	186,1	Sở hữu riêng	IV	Đến ngày 20/4/2065
Kho vật tư	64,6	64,6	Sở hữu riêng	IV	Đến ngày 20/4/2065
Nhà bảo vệ	14,4	14,4	Sở hữu riêng	IV	Đến ngày 20/4/2065
Khu vực trạm trộn	540,5	210 m ³ /h	Sở hữu riêng	III	Đến ngày 20/4/2065

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Không W/

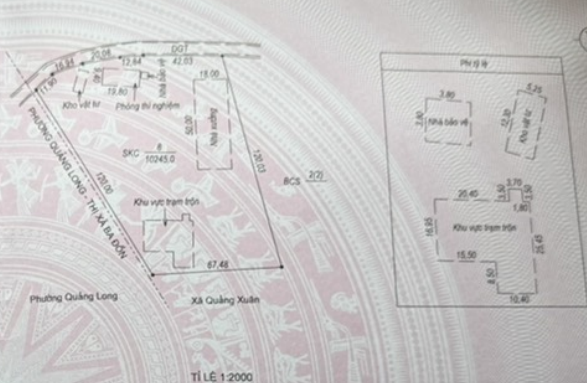
Quảng Bình, ngày 01 tháng 10 năm 2021
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG BÌNH
 KT. GIÁM ĐỐC
 PHÓ GIÁM ĐỐC



Hoàng Quốc Việt

Số vào sổ cấp GCN: CT/10665

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

THÔNG BÁO

KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Công ty CP Sản xuất Vật liệu xây dựng Nguyên Anh.

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 16/01/2021 của Chính phủ về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 về việc phân cấp thẩm quyền thẩm định dự án, thiết kế, dự toán và ủy quyền kiểm tra công tác nghiệm thu các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Giấy phép xây dựng 1169/GPXD ngày 21/10/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế cấp cho Công ty Cổ phần SXVLXD Nguyên Anh xây dựng dự án Xây dựng nhà máy sản xuất bê tông tươi thương phẩm;

Căn cứ vào hồ sơ BVTC dự án Xây dựng nhà máy sản xuất bê tông tươi thương phẩm được thẩm định tại Văn bản số 1123/KKT-QHXD ngày 08/10/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế;

Căn cứ Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng của Chủ đầu tư số 08/NA-BC ngày 27/5/2021;

Căn cứ Biên bản ngày 01/6/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Bình thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu của Chủ đầu tư đối với công trình Xây dựng Nhà máy sản xuất bê tông tươi thương phẩm Nguyên Anh;

Căn cứ Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình của chủ đầu tư và các bên liên quan;

Ban Quản lý Khu kinh tế chấp thuận kết quả nghiệm thu của Công ty CP Sản xuất Vật liệu xây dựng Nguyên Anh để đưa vào sử dụng đối với công trình như sau:

1. Thông tin về công trình.

a) Tên công trình: Xây dựng nhà máy sản xuất bê tông tươi thương phẩm

b) Địa điểm xây dựng: Thôn Xuân Kiều, xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

c) Loại và cấp công trình: Công trình công nghiệp cấp III.

d) Các thông số chính của công trình.

- Nhà điều hành: Kích thước móng (23,4x12,9m), diện tích mái là 425m² được bố trí phía Tây lô đất sát hàng rào.

- Nhà Xưởng: Kích thước móng nhà xưởng (18,0x48,0), diện tích mái là 994,7m² được bố trí phía Đông lô đất sát hàng rào.

- Phòng thí nghiệm: Kích thước móng nhà xưởng (9,4x19,6), diện tích mái là 201m² được bố trí phía Đông lô đất sát hàng rào.

- Khu vực trạm trộn: diện tích 1.500m².

- Kho vật tư: diện tích xây dựng 79,3m².

- Nhà bảo vệ: diện tích xây dựng 27m².

- Các công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật:

+ Hệ thống giao thông nội bộ, Trạm cân, các bãi tập kết vật liệu, trạm biến áp; bể xử lý nước thải, PCCC, nước sản xuất; cây xanh sân vườn thể hiện trên mặt bằng tổng thể.

+ Hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước mưa, nước thải, theo yêu cầu kỹ thuật.

2. Yêu cầu đối với chủ đầu tư.

- Lưu trữ hồ sơ công trình theo quy định.

- Quản lý, khai thác, vận hành công trình theo đúng công năng thiết kế được duyệt.

Giờ ký: 2021-06-08T10:19:39.1204157+07:00

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng Ban (B/c);
- Lưu VT; QLQH&XD.



TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Phạm Tiên Duật

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~HP/PS~~ /QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày 07 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

SỐ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG QUẢNG BÌNH	Số: 14.69
Ngày: 08/12/2017	
Chuyển:	
Lưu hồ sơ số:	

Về việc Phê duyệt Đề án Bảo vệ môi trường chi tiết
Dự án: Nhà máy Sản xuất bê tông tươi thương phẩm
tại xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch của Công ty
Cổ phần Sản xuất vật liệu xây dựng Nguyên Anh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Căn cứ Biên bản kiểm tra phục vụ công tác thẩm định Đề án Bảo vệ môi trường chi tiết của Nhà máy Sản xuất bê tông tươi thương phẩm tại xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch thuộc Công ty Cổ phần Sản xuất vật liệu xây dựng Nguyên Anh, ngày 18 tháng 8 năm 2017;

Xét nội dung Đề án Bảo vệ môi trường chi tiết của Nhà máy Sản xuất bê tông tươi thương phẩm tại xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch đã được hoàn chỉnh gửi kèm Văn bản số 80-CV/NA ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Công ty Cổ phần Sản xuất vật liệu xây dựng Nguyên Anh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 2325/STNMT-CCMT ngày 30 tháng 11 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Nhà máy Sản xuất bê tông tươi thương phẩm tại xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch (sau đây gọi là cơ sở) của Công ty Cổ phần Sản xuất vật liệu xây dựng Nguyên Anh (sau đây gọi là chủ cơ sở) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Vị trí, quy mô/công suất hoạt động:

1.1. Vị trí: Nhà máy Sản xuất bê tông tươi thương phẩm tại xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

1.2. Công suất: Nhà máy Sản xuất bê tông tươi thương phẩm được xây dựng với công suất 22.000 m³ bê tông/năm.

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:

2.1. Thực hiện đúng và đầy đủ các giải pháp, biện pháp, cam kết về bảo vệ môi trường đã nêu trong Đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

2.2. Đảm bảo các loại chất thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi thải ra môi trường.

2.3. Hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường bao gồm: Cải tạo và đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa và nước thải sản xuất; lắp đặt, hoàn thiện các công trình, thiết bị xử lý khí thải; Lắp đặt hệ thống vòi phun dập bụi tại khu vực tiếp liệu và tại bãi chứa nguyên vật liệu; bê tông hóa tuyến đường từ cơ sở đến Quốc lộ 1A. Thời gian hoàn thành trước tháng 3 năm 2018;

2.4. Có trách nhiệm báo cáo theo tiến độ yêu cầu về kết quả thực hiện hoàn thành từng hạng mục, nội dung và hoàn thành toàn bộ công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của cơ sở về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, giám sát.

3. Các điều kiện kèm theo:

3.1. Nước thải sản xuất từ cơ sở được thu gom, xử lý đạt Quy chuẩn Việt Nam QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi thải ra môi trường.

3.2. Thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại, Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng và các quy định hiện hành khác.

3.3. Trong quá trình hoạt động, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và cộng đồng dân cư, vi phạm tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường, chủ cơ sở phải dừng ngay hoạt động để khẩn trương khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Quảng Trạch, UBND xã Quảng Xuân để được chỉ đạo và phối hợp xử lý; chịu hoàn toàn trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

3.4. Thực hiện nghiêm túc chương trình giám sát môi trường theo Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt; cập nhật, lưu giữ số liệu và định kỳ báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Quảng Trạch. Đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường như đã nêu trong Đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

Điều 2. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi so với nội dung Đề án đã được phê duyệt, Chủ Cơ sở phải có văn bản báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh.

Điều 3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Quảng Trạch và các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Đề án đã được phê duyệt tại Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật, đồng thời chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và pháp luật về kết quả kiểm tra, giám sát.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch UBND huyện Quảng Trạch, Chủ tịch UBND xã Quảng Xuân và Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất vật liệu xây dựng Nguyên Anh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CVTNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Minh Ngân

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

**THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ VÀ CHUYỂN GIAO XỬ LÝ RÁC THẢI
SINH HOẠT SỐ: /HD - VVT- NGUYENANH**

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH ngày 14/6/2005 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ nhu cầu của Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Nguyên Anh và khả năng thực hiện công việc của Võ Văn Thái.

Hôm nay, ngày 01 tháng 01 năm 2024 tại văn phòng Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Nguyên Anh:

BÊN MUA: **CÔNG TY CP SXVL XÂY DỰNG NGUYÊN ANH**
Địa chỉ: T. Xuân Kiều-X.Quảng Xuân-H.Quảng Trạch-T.Quảng Bình
Đại diện: Ông **Phạm Hữu Mạnh** Chức vụ: **Giám Đốc**
Mã số thuế: 3100978567
Tài khoản số: 5320328888
Tại: Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển -CN Bắc Quảng Bình

BÊN BÁN: **CHỦ CƠ SỞ THU GOM RÁC VỠ VĂN THÁI**
Địa chỉ: T. Xuân Kiều-X.Quảng Xuân-H.Quảng Trạch-T.Quảng Bình
Đại diện: Ông **Võ Văn Thái** Chức vụ: **Chủ cơ sở**
Điện thoại: 0945.955.119

Cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao xử lý rác thải sinh hoạt (sau đây viết tắt là RTSH) với những điều khoản sau đây:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Bên A đồng ý giao, Bên B đồng ý nhận thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao RTSH của Bên A để xử lý, tiêu hủy theo quy định của pháp luật hiện hành về thu gom, vận chuyển, xử lý RTSH.

- Cách thức thu gom RTSH: Bên A bỏ rác đúng nơi quy định cho bên B thu gom RTSH theo kế hoạch thu gom rác tại thôn Xuân Kiều xã Quảng Xuân theo từng tuần trong tháng .

- Địa điểm thu gom RTSH: tại Công ty CP sản xuất vật liệu xây dựng Nguyên Anh (Thôn Xuân Kiều, xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình).

- Thời hạn của Hợp đồng: 01 năm kể từ ngày ký Hợp đồng này. Kết thúc thời hạn nói trên các Bên cùng nhau thương lượng về việc ký kết hợp đồng mới.

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao xử lý: Đơn giá khoán trọn gói trong kỳ thu gom theo thời hạn hợp đồng: 2.200.000 đồng (**Bảng chữ: Hai triệu hai**

trăm ngàn đồng chẵn).

2.2.Hình thức thanh toán: Tiền mặt

2.2.1. Hình thức thanh toán: Bên A thanh toán 100% giá trị hợp đồng.

2.2.2. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- Thông báo số lượng, chủng loại chất thải cho bên B trước khi thu gom vận chuyển. Đảm bảo các loại chất thải sinh hoạt bên A chuyển giao cho bên B tiến hành thu gom, phân loại, lưu giữ tạm thời các chất thải sinh hoạt phát sinh theo đúng quy định. Nơi chứa chất thải phải thuận tiện cho xe ra vào lấy chất thải;

- Hỗ trợ bên B việc vận chuyển chất thải lên xe trong trường hợp khối lượng thu gom lớn cần phải có phương tiện cơ giới bốc dỡ;

- Đảm bảo thành phần chất thải đúng như đã thông báo với bên B, tuyệt đối không trộn lẫn các chất thải với nhau.

- Bên A cử cán bộ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng;

- Có quyền yêu cầu bồi thường và phạt vi phạm Hợp đồng theo Điều 6 của Hợp đồng này;

- Có quyền yêu cầu Bên B thực hiện nghiêm túc và đúng các điều khoản của Hợp đồng này;

- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho bên B theo Điều 2 Hợp đồng này;

- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- Chịu toàn bộ trách nhiệm trước pháp luật về sai phạm (nếu có) kể từ khi bắt đầu nhận số lượng chất thải của bên A bàn giao đến khi xử lý triệt để lượng chất thải đó;

- Chịu trách nhiệm bố trí nhân lực, phương tiện đảm bảo yêu cầu của pháp luật và an toàn để bốc dỡ, thu gom chất thải tại khu lưu giữ RTSH của Bên A theo đúng thời gian mà hai bên thỏa thuận;

- Đảm bảo sự kết hợp chặt chẽ của bên A và bên B trong việc thu gom, vận chuyển chất thải;

- Bên B sẽ thu gom chất thải sinh hoạt của bên A đã được lưu chứa trong phương tiện, vật chứa chuyên dụng, sau đó vận chuyển đến địa điểm xử lý, chuyển giao xử lý chất thải của bên B;

- Bên B cam kết lưu giữ, xử lý, chuyển giao chất thải theo đúng với quy định của pháp luật;

- Chuyển trả chứng từ RTSH cho Bên A sau khi xử lý và chuyển giao, xử lý hoàn tất các loại RTSH

- Bên B có quyền tạm dừng vận chuyển RTSH của bên A khi chất thải nguy hại không được phân loại, đóng gói và lưu giữ theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp này các Bên tiến hành lập biên bản làm căn cứ xác nhận.

- Có quyền yêu cầu bồi thường và phạt vi phạm Hợp đồng theo Điều 6 của Hợp đồng này;

- Có quyền yêu cầu Bên A thực hiện nghiêm túc và đúng các điều khoản của Hợp đồng này;

- Được Bên A thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo Điều 2 Hợp đồng này;

- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 4: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

4.1. Hợp đồng này sẽ được coi là chấm dứt trong các trường hợp sau:

4.1.1. Kết thúc thời hạn của Hợp đồng và các bên hoàn thành mọi nghĩa vụ liên



[Handwritten signature]

quan bao gồm: Nghĩa vụ thanh toán, nghĩa vụ bồi thường (nếu có) và nghĩa vụ bảo mật thông tin;

4.1.2. Các bên thỏa thuận bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn;

4.1.3. Một trong hai bên bị giải thể, phá sản hoặc bị đình chỉ hoạt động. Trong trường hợp này cách thức chấm dứt Hợp đồng sẽ do các bên thỏa thuận trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.2. Đơn phương chấm dứt, tạm dừng hợp đồng:

4.2.1. Mỗi bên có quyền đơn phương chấm dứt hoặc tạm dừng Hợp đồng nếu chứng minh bên kia không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các quy định của hợp đồng. Thông báo đơn phương chấm dứt hoặc tạm dừng Hợp đồng phải được gửi cho bên vi phạm 30 ngày làm việc trước ngày đơn phương chấm dứt, tạm dừng hợp đồng;

4.2.2. Các Bên không phải bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm Hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.

ĐIỀU 5: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

5.1. Sự kiện bất khả kháng là tất cả những sự kiện vượt khả năng kiểm soát của các bên, không thể biết trước được, không có sẵn và không thể khắc phục được sau ngày ký hợp đồng này, làm cản trở toàn bộ hay một phần việc thực hiện nghĩa vụ của bất cứ bên nào. Những sự kiện này bao gồm động đất, bão lớn, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh và những hành động của Chính phủ hoặc công chúng, bệnh dịch, nổi loạn, đình công hoặc bất cứ sự việc nào không thể biết trước, không thể ngăn cản hoặc kiểm soát được, bao gồm những sự kiện được xác định là sự kiện bất khả kháng theo tập quán thương mại chung của Việt Nam;

5.2. Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng dẫn đến các bên không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ các điều khoản của hợp đồng thì các bên không phải chịu trách nhiệm về việc không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ các điều khoản của hợp đồng.

ĐIỀU 6: BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VÀ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

6.1. Bồi thường thiệt hại:

6.1.1. Nguyên tắc bồi thường: Căn cứ trên thiệt hại thực tế và lỗi của bên vi phạm.

Áp dụng ngang nhau cho các bên vi phạm;

6.1.2. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này bên nào thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ dẫn đến gây thiệt hại cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại thực tế cho bên kia.

6.2 Phạt vi phạm Hợp đồng: Phạt vi phạm là sự thỏa thuận giữa các bên trong Hợp đồng, theo đó bên vi phạm nghĩa vụ phải nộp một khoản tiền cho bên bị vi phạm;

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

8.1. Bất kỳ sự thay đổi bổ sung nào đối với hợp đồng này đều được lập thành văn bản với sự thỏa thuận giữa hai bên và sửa đổi, bổ sung đó là một phần không thể tách rời là bản chính hay là Phụ lục bổ sung của Hợp đồng này.

8.2. Những gì không được quy định trong Hợp đồng này, hai Bên sẽ tuân thủ theo pháp luật hiện hành của Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

8.3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký;

8.4. Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản tiếng Việt có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi bên giữ 01 (một) bản để thực hiện



ĐẠI DIỆN BÊN B

10/10/2011 Thái

PHIẾU CHI

Ngày: 03/01/2024

Số phiếu: 8563

Tk có: 1111 2 200 000
Tk nợ: 6428 2 200 000

Người nhận tiền: KH.CN.NA00013 - Võ Văn Thái

Địa chỉ: Tổ gom rác Thôn Xuân Kiều

Lý do chi: TT tiền gom rác thải sinh hoạt năm 2024

Số tiền: 2 200 000 VND

Bằng chữ: Hai triệu hai trăm nghìn đồng

Kèm theo: 0 chứng từ gốc

Thời hạn hoàn ứng :

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

ĐÃ CHI TIỀN

Ngày..... Tháng..... Năm.....

[Handwritten signatures and names: Hoàng Thị An, Nguyễn Thị Hoa, Võ Văn Thái]

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý): 1 VND/VND
+ Số tiền quy đổi: 2 200 000 VND

PHIẾU CHI

Ngày: 03/01/2024

Số phiếu: 8563

Tk có: 1111 2 200 000
Tk nợ: 6428 2 200 000

Người nhận tiền: KH.CN.NA00013 - Võ Văn Thái

Địa chỉ: Tổ gom rác Thôn Xuân Kiều

Lý do chi: TT tiền gom rác thải sinh hoạt năm 2024

Số tiền: 2 200 000 VND

Bằng chữ: Hai triệu hai trăm nghìn đồng

Kèm theo: 0 chứng từ gốc

Thời hạn hoàn ứng :

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

ĐÃ CHI TIỀN

Ngày..... Tháng..... Năm.....

[Handwritten signatures and names: Hoàng Thị An, Nguyễn Thị Hoa, Võ Văn Thái]

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý): 1 VND/VND
+ Số tiền quy đổi: 2 200 000 VND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ VÀ CHUYỂN GIAO XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 240602/HĐ -XLMTNA - NGUYENANH

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH ngày 14/6/2005 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2022 được Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua;
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;
- Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại số 1-2-3-4.104.VX của Công ty CP xử lý Môi trường Nghệ An được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp (lần 2) ngày 04/05/2020;
- Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã số 1-2-3-4-5-6.071.VX của Công ty CP môi trường Nghi Sơn do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp (lần 6) ngày 07/06/2021;
- Căn cứ Công văn số 3548/BTNMT- TCMT ngày 02 tháng 07 năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chấp thuận chuyển giao chất thải nguy hại giữa Công ty CP xử lý Môi trường Nghệ An và Công ty CP Môi trường Nghi Sơn;
- Căn cứ nhu cầu của Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Nguyên Anh và khả năng thực hiện công việc của Công ty CP Xử lý môi trường Nghệ An.

Hôm nay, ngày 02 tháng 06 năm 2024 tại văn phòng Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Nguyên Anh, chúng tôi gồm có:

BÊN A (Bên giao)	:	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG NGUYỄN ANH
Địa chỉ	:	Thôn Xuân Kiều, xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, Việt Nam.
Điện thoại	:	0905.333.595
MST	:	3100978567
Đại diện	:	Ông Phạm Hữu Mạnh Chức vụ: Giám đốc
BÊN B (Bên nhận)	:	CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG NGHỆ AN
Địa chỉ	:	Xóm 5, xã Hưng Yên Nam, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
Điện thoại	:	0982 491 067 Email: nguyensexuan.xlmt@gmail.com
Tài khoản	:	0101000997708
Ngân hàng	:	TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)- CN Nghệ An
MST	:	2901070574
Đại diện	:	Ông Nguyễn Văn Xuân Chức vụ: Giám đốc
Điện thoại thường trực khi gọi thu gom chất thải:	:	Ông Nguyễn Ngọc Tú (0973.692.777)

Cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao xử lý chất thải nguy hại (sau đây viết tắt là CTNH) với những điều khoản sau đây:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Bên A đồng ý giao, Bên B đồng ý nhận thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao CTNH của Bên A để xử lý, tiêu hủy theo quy định của pháp luật hiện hành về thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH.

- Cách thức thu gom CTNH: Bên A thông báo trước (bằng văn bản hoặc điện thoại) cho Bên B trước 04 ngày về thời gian thu gom CTNH.
- Địa điểm thu gom CTNH: Tại Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Nguyên Anh (Thôn Xuân Kiều, xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình).
- Địa điểm xử lý CTNH của Bên B: Tại Cơ sở tái chế dầu nhớt thải - Xóm 6, xã Hưng Yên Nam, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.
- Địa điểm chuyển giao xử lý: Công ty CP Môi trường Nghi Sơn - Khu kinh tế Nghi Sơn, xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Thời hạn của Hợp đồng: 01 năm kể từ ngày ký Hợp đồng này. Kết thúc thời hạn nói trên các Bên cùng nhau thương lượng về việc ký kết hợp đồng mới. Trường hợp không thỏa thuận được, các Bên sẽ tiến hành nghiệm thu và không còn nợ giữa hai bên thì coi như Hợp đồng này tự động thanh lý.

ĐIỀU 2 : ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao xử lý:

2.1.1. Đơn giá thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao xử lý chất thải theo dạng khoán: **12.000.000 đồng/ 01 lần thu gom.** Khối lượng chất thải nguy hại không vượt quá 600 kg/ 01 lần thu gom (Sáu trăm kilogam một lần thu gom) trừ dầu nhớt thải. Trường hợp khối lượng chất thải nguy hại phát sinh vượt quá khối lượng 600 kg/ 01 lần thu gom thì ngoài đơn giá khoán ra, chi phí xử lý phát sinh sẽ áp dụng đơn giá thu gom: Số kilogam vượt nhân 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng).

Danh mục chất thải thu gom như sau:

TT	Loại chất thải	Trạng thái	Mã CTNH
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01
4	Bao bì kim loại cứng thải	Rắn	18 01 02

2.1.2. Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT.

2.1.3. Ký hiệu và mã CTNH theo hướng dẫn của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

2.2. Hình thức thanh toán:

2.2.1. Hình thức thanh toán: Bên A thanh toán 100% giá trị hợp đồng bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt cho bên B chậm nhất trong vòng 15 ngày kể từ ngày bên A nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ bao gồm:

- + Hóa đơn giá trị gia tăng;
 - + Đề nghị thanh toán;
 - + Biên bản nghiệm thu khối lượng;
 - + Liên chứng từ chất thải nguy hại số 4.
- 2.2.2. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.
- 2.2.3. Trường hợp nếu bên A chậm thanh toán cho bên B theo (Điểm 1, khoản 2.2) thì ngoài giá trị hợp đồng nêu trên bên A phải chịu thêm phạt với mức lãi suất tín dụng quá hạn của Ngân hàng nhà nước Việt Nam tại thời điểm thanh toán đối với phần giá trị chưa thanh toán.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- Thông báo số lượng, chủng loại chất thải cho bên B trước khi thu gom vận chuyển. Đảm bảo các loại chất thải nguy hại bên A chuyển giao cho bên B có trong giấy phép của Công ty CP xử lý môi trường Nghệ An và Công văn số 3548/BTNMT-TCMT ngày 02/07/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chấp thuận chuyển giao chất thải nguy hại giữa Công ty CP xử lý Môi trường Nghệ An và Công ty CP Môi trường Nghi Sơn (không bao gồm các chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt);
- Tiến hành thu gom, phân loại, lưu giữ tạm thời các chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định. Nơi chứa chất thải phải thuận tiện cho xe ra vào lấy chất thải;
- Hỗ trợ bên B việc vận chuyển chất thải lên xe trong trường hợp khối lượng thu gom lớn cần phải có phương tiện cơ giới bốc dỡ;
- Đảm bảo thành phần chất thải đúng như đã thông báo với bên B, tuyệt đối không trộn lẫn các chất thải với nhau. Trường hợp các CTNH không đúng như thông báo với Bên B thì các Bên tiến hành lập biên bản bổ sung chủng loại CTNH cần xử lý theo đúng quy định của pháp luật cho Bên B;
- Bên A có trách nhiệm theo dõi giám sát quá trình giao nhận chất thải và phối hợp lập chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;
- Bên A cử cán bộ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng;
- Có quyền yêu cầu bồi thường và phạt vi phạm Hợp đồng theo Điều 6 của Hợp đồng này;
- Có quyền yêu cầu Bên B thực hiện nghiêm túc và đúng các điều khoản của Hợp đồng này;
- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho bên B theo Điều 2 Hợp đồng này;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- Chịu toàn bộ trách nhiệm trước pháp luật về sai phạm (nếu có) kể từ khi bắt đầu nhận số lượng chất thải của bên A bàn giao đến khi xử lý triệt để lượng chất thải đó;
- Chịu trách nhiệm bố trí nhân lực, phương tiện đảm bảo yêu cầu của pháp luật và an toàn để bốc dỡ, thu gom chất thải tại khu lưu giữ CTNH của Bên A theo đúng thời gian mà hai bên thỏa thuận;
- Đảm bảo sự kết hợp chặt chẽ của bên A và bên B trong việc thu gom, vận chuyển chất thải;
- Bên B sẽ thu gom chất thải nguy hại của bên A đã được lưu chứa trong phương tiện, vật chứa chuyên dụng, sau đó vận chuyển đến địa điểm xử lý, chuyển giao xử lý chất thải của bên B;
- Bên B cam kết lưu giữ, xử lý, chuyển giao chất thải theo đúng với quy định của pháp luật;
- Chuyển trả chứng từ CTNH cho Bên A sau khi xử lý và chuyển giao xử lý hoàn tất các loại CTNH;
- Trong trường hợp phương tiện vận chuyển hư hỏng, Bên B sẽ sắp xếp (bố trí) thay thế phương tiện để thu gom CTNH trong vòng 3 ngày làm việc;

0107057
 CÔNG TY
 XỬ LÝ
 MÔI TRƯỜNG
 NGHỆ AN
 QUYỀN-T

- Cùng bên A xác nhận khối lượng, chất thải thu gom, vận chuyển xử lý;
- Bên B có quyền tạm dừng vận chuyển CTNH của bên A khi chất thải nguy hại không được phân loại, đóng gói và lưu giữ theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp này các Bên tiến hành lập biên bản làm căn cứ xác nhận.
- Có quyền yêu cầu bồi thường và phạt vi phạm Hợp đồng theo Điều 6 của Hợp đồng này;
- Có quyền yêu cầu Bên A thực hiện nghiêm túc và đúng các điều khoản của Hợp đồng này;
- Được Bên A thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo Điều 2 Hợp đồng này;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 4: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG VÀ ĐƠN PHƯƠNG CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

4.1. Hợp đồng này sẽ được coi là chấm dứt trong các trường hợp sau:

- 4.1.1. Kết thúc thời hạn của Hợp đồng và các bên hoàn thành mọi nghĩa vụ liên quan bao gồm: Nghĩa vụ thanh toán, nghĩa vụ bồi thường (nếu có) và nghĩa vụ bảo mật thông tin;
- 4.1.2. Các bên thỏa thuận bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn;
- 4.1.3. Một trong hai bên bị giải thể, phá sản hoặc bị đình chỉ hoạt động. Trong trường hợp này cách thức chấm dứt Hợp đồng sẽ do các bên thỏa thuận trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.2. Đơn phương chấm dứt, tạm dừng hợp đồng:

- 4.2.1. Mỗi bên có quyền đơn phương chấm dứt hoặc tạm dừng Hợp đồng nếu chứng minh bên kia không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các quy định của hợp đồng. Thông báo đơn phương chấm dứt hoặc tạm dừng Hợp đồng phải được gửi cho bên vi phạm 30 ngày làm việc trước ngày đơn phương chấm dứt, tạm dừng hợp đồng;
- 4.2.2. Trường hợp hợp đồng này bị đơn phương chấm dứt, tạm dừng không tuân thủ theo quy định trên, thì bên chấm dứt Hợp đồng không đúng quy định phải bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế và chịu phạt vi phạm Hợp đồng cho Bên kia;
- 4.2.3. Các Bên không phải bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm Hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.

ĐIỀU 5 : TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

- 5.1. Sự kiện bất khả kháng là tất cả những sự kiện vượt khả năng kiểm soát của các bên, không thể biết trước được, không có sẵn và không thể khắc phục được sau ngày ký hợp đồng này, làm cản trở toàn bộ hay một phần việc thực hiện nghĩa vụ của bất cứ bên nào. Những sự kiện này bao gồm động đất, bão lớn, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh và những hành động của Chính phủ hoặc công chúng, bệnh dịch, nổi loạn, đình công hoặc bất cứ sự việc nào không thể biết trước, không thể ngăn cản hoặc kiểm soát được, bao gồm những sự kiện được xác định là sự kiện bất khả kháng theo tập quán thương mại chung của Việt Nam;
- 5.2. Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng dẫn đến các bên không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ các điều khoản của hợp đồng thì các bên không phải chịu trách nhiệm về việc không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ các điều khoản của hợp đồng.

ĐIỀU 6 : BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VÀ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

6.1 Bồi thường thiệt hại:

- 6.1.1. Nguyên tắc bồi thường: Căn cứ trên thiệt hại thực tế và lỗi của bên vi phạm. Áp dụng ngang nhau cho các bên vi phạm;
- 6.1.2. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này bên nào thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ dẫn đến gây thiệt hại cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại thực tế cho bên kia.

6.2 Phạt vi phạm Hợp đồng:

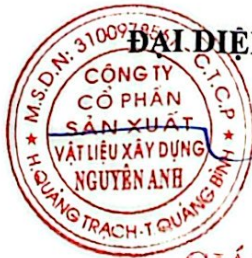
- 6.2.1. Phạt vi phạm là sự thỏa thuận giữa các bên trong Hợp đồng, theo đó bên vi phạm nghĩa vụ phải nộp một khoản tiền cho bên bị vi phạm;
- 6.2.2. Mức phạt vi phạm bằng 8% tổng giá trị Hợp đồng này.

ĐIỀU 7: PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trường hợp phát sinh tranh chấp từ nội dung hợp đồng này các bên cùng thương lượng hòa giải trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của các bên. Trong trường hợp không thể hòa giải được các bên có quyền khởi kiện ra Tòa Án có thẩm quyền giải quyết.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 8.1. Bất kỳ sự thay đổi bổ sung nào đối với hợp đồng này đều được lập thành văn bản với sự thỏa thuận giữa hai bên và sửa đổi, bổ sung đó là một phần không thể tách rời là bản chính hay là Phụ lục bổ sung của Hợp đồng này.
- 8.2. Những gì không được quy định trong Hợp đồng này, hai Bên sẽ tuân thủ theo pháp luật hiện hành của Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- 8.3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký;
- 8.4. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản tiếng Việt có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản để thực hiện. *Van*



ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC
Phạm Hữu Mạnh



ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Xuân





- ① - NHÀ VĂN PHÒNG: S= 425.0M2
- ② - NHÀ XƯỞNG: S= 994.7M2
- ③ - PHÒNG THÍ NGHIỆM: S= 201.9M2
- ④ - KHO VẬT TƯ: S= 79.3M2
- ⑤ - NHÀ BẢO VỆ: S= 27.0M2
- ⑥ - KHU VỰC TRẠM TRỘN: S= 1500.0M2
- ⑦ - TRẠM CÂN: S= 105.0M2
- ⑧ - BỂ LẮNG LỌC S= 76.5M2
- ⑨ - KHU VỰC ĐẬU XE VÀ RỬA: S= 400.0M2
- ⑩ - NHÀ CHỨA DẦU: S= 20.0M2
- ⑪ - BÃI TẬP KẾT VẬT LIỆU: S= 1500.0M2
- ⑫ - RÀNH THOÁT NƯỚC -
- ⑬ - CỔNG HÀNG RÀO -
- ⑭ - SÂN ĐƯỜNG BT NỘI BỘ S= 3615.6M2
- ⑮ - ĐẤT CÂY XANH VÀ HẠ TẦNG S=1300.0M2

MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC THẢI

TRẠM BIẾN ÁP ĐÃ CÓ

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY CỔ PHẦN SXVLXD
NGUYỄN ANH

CÔNG TRÌNH:
XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT
BỂ TÔNG TƯƠI THƯƠNG PHẨM

HẠNG MỤC:

ĐỊA ĐIỂM:
XÃ QUẢNG XUÂN, HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH TVKT QUẢNG BÌNH

ĐC: TK5, TT HOÀN LÃO, BỐ TRẠCH, QUẢNG BÌNH
ĐT: 052.3700057; FAX: 052.3700057

P. GIÁM ĐỐC	TRẦN ANH TUẤN	<i>Trần Anh Tuấn</i>
CTK. TRÚC	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	<i>Nguyễn Đình Đức</i>
CTK. CẦU	HOÀNG TRỌNG HIẾU	<i>Hoàng Trọng Hiếu</i>
THIẾT KẾ	NGUYỄN MINH HẢI	<i>Nguyễn Minh Hải</i>

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN:
HỒ SƠ THIẾT KẾ BCKTKT

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG TỔNG THỂ

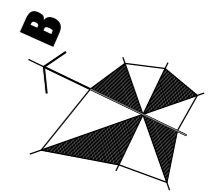
TỶ LỆ	NGÀY	HD. SỐ	BẢN VẼ
1/1	/2020		TT: 01
A3			



- ① - NHÀ VĂN PHÒNG: S= 425.0M2
- ② - NHÀ XƯỞNG: S= 994.7M2
- ③ - PHÒNG THÍ NGHIỆM: S= 201.9M2
- ④ - KHO VẬT TƯ: S= 79.3M2
- ⑤ - NHÀ BẢO VỆ: S= 27.0M2
- ⑥ - KHU VỰC TRẠM TRỘN: S= 1500.0M2
- ⑦ - TRẠM CÂN: S= 105.0M2
- ⑧ - BỂ LẮNG LỌC S= 76.5M2
- ⑨ - KHU VỰC ĐẬU XE VÀ RỬA: S= 400.0M2
- ⑩ - NHÀ CHỨA DẦU: S= 20.0M2
- ⑪ - BÃI TẬP KẾT VẬT LIỆU: S= 1500.0M2
- ⑫ - RÃNH THOÁT NƯỚC -
- ⑬ - CỔNG HÀNG RÀO -
- ⑭ - SÂN ĐƯỜNG BT NỘI BỘ S= 3615.6M2
- ⑮ - ĐẤT CÂY XANH VÀ HẠ TẦNG S=1300.0M2

CÁC THÔNG SỐ QUY HOẠCH

TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT: S= 10.245M2
 TỔNG DIỆN TÍCH XÂY DỰNG: S= 5329.4M2
 MẬT ĐỘ XÂY DỰNG: 52%M2



CHỦ ĐẦU TƯ:
 CÔNG TY CỔ PHẦN SXVLXD
 NGUYỄN ANH

CÔNG TRÌNH:
 XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT
 BÊ TÔNG TƯƠI THƯƠNG PHẨM

HẠNG MỤC:

ĐỊA ĐIỂM:
 XÃ QUẢNG XUÂN, HUYỆN QUẢNG TRẠCH
 TỈNH QUẢNG BÌNH



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
 CÔNG TY TNHH TVKT QUẢNG BÌNH

ĐC: TK5, TT HOÀN LÃO, BỐ TRẠCH, QUẢNG BÌNH
 ĐT: 052.3700057; FAX: 052.3700057

P.GIÁM ĐỐC	TRẦN ANH TUẤN	<i>Trần Anh Tuấn</i>
CTK. TRÚC	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	<i>Nguyễn Đình Đức</i>
CTK. CẤU	HOÀNG TRỌNG HIẾU	<i>Hoàng Trọng Hiếu</i>
THIẾT KẾ	NGUYỄN MINH HẢI	<i>Nguyễn Minh Hải</i>

GIẢI ĐOẠN THỰC HIỆN:
 HỒ SƠ THIẾT KẾ BCKTKT

TÊN BẢN VẼ:
 MẶT BẰNG TỔNG THỂ

TỶ LỆ	NGÀY	HD. SỐ	BẢN VẼ
1/1	/2020		TT: 01
A3			

TRẠM BIẾN ÁP ĐÃ CÓ

MẶT BẰNG TỔNG THỂ VÀ ĐỊNH VỊ CÔNG TRÌNH



- ① - NHÀ VĂN PHÒNG: S= 425.0M2
- ② - NHÀ XƯỞNG: S= 994.7M2
- ③ - PHÒNG THÍ NGHIỆM: S= 201.9M2
- ④ - KHO VẬT TƯ: S= 79.3M2
- ⑤ - NHÀ BẢO VỆ: S= 27.0M2
- ⑥ - KHU VỰC TRẠM TRỘN: S= 1500.0M2
- ⑦ - TRẠM CÂN: S= 105.0M2
- ⑧ - BỂ LẮNG LỌC S= 76.5M2
- ⑨ - KHU VỰC ĐẬU XE VÀ RỬA: S= 400.0M2
- ⑩ - NHÀ CHỨA DẦU: S= 20.0M2
- ⑪ - BÃI TẬP KẾT VẬT LIỆU: S= 1500.0M2
- ⑫ - RÃNH THOÁT NƯỚC -
- ⑬ - CỔNG HÀNG RÀO -
- ⑭ - SÂN ĐƯỜNG BT NỘI BỘ S= 3615.6M2
- ⑮ - ĐẤT CÂY XANH VÀ HẠ TẦNG S=1300.0M2

MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC MƯA

CHỦ ĐẦU TƯ:
 CÔNG TY CỔ PHẦN SXVLXD
 NGUYỄN ANH

CÔNG TRÌNH:
 XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT
 BÊ TÔNG TƯƠI THƯƠNG PHẨM

HẠNG MỤC:

ĐỊA ĐIỂM:
 XÃ QUẢNG XUÂN, HUYỆN QUẢNG TRẠCH
 TỈNH QUẢNG BÌNH



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
 CÔNG TY TNHH TVKT QUẢNG BÌNH

ĐC: TK5, TT HOÀN LÃO, BỐ TRẠCH, QUẢNG BÌNH
 ĐT: 052.3700057; FAX: 052.3700057

P. GIÁM ĐỐC	TRẦN ANH TUẤN	<i>Trần Anh Tuấn</i>
CTK. TRÚC	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	<i>Nguyễn Đình Đức</i>
CTK. CẤU	HOÀNG TRỌNG HIẾU	<i>Hoàng Trọng Hiếu</i>
THIẾT KẾ	NGUYỄN MINH HẢI	<i>Nguyễn Minh Hải</i>

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN:
 HỒ SƠ THIẾT KẾ BCKTKT

TÊN BẢN VẼ:
 MẶT BẰNG TỔNG THỂ

TỶ LỆ	NGÀY	HĐ. SỐ	BẢN VẼ
1/1	/2020		TT: 01
A3			

GHI CHÚ
NOTES

- KIỂM TRA KÍCH THƯỚC THEO THỰC TẾ
- KHI THI CÔNG CẦN KẾT HỢP CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR	
THIẾT KẾ SƠ BỘ	<input type="checkbox"/> PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	<input type="checkbox"/> YOUR APPROVAL
THIẾT KẾ THI CÔNG	<input type="checkbox"/> CONSTRUCTION
HIỆU CHỈNH	<input type="checkbox"/> REVISED
HOÀN CÔNG	<input checked="" type="checkbox"/> AS-BUILT

TÊN DỰ ÁN
PROJECT TITLE

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT

ĐC: H. QUẢNG TRẠCH - T. QUẢNG BÌNH

CHỦ ĐẦU TƯ
OWNER

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT
VLXD NGUYỄN ANH**

TƯ VẤN THIẾT KẾ
CONSULTANT AND DESIGN :



**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG
THƯƠNG MẠI TRUNG ĐỘ**

ĐC: 37 DƯƠNG VĂN AN - TP. ĐỒNG HỚI - T. QUẢNG BÌNH
TEL: 0705.225.777

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

Đỗ Trung Phương

ĐỖ TRUNG PHƯƠNG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CHAIR DESIGN	<i>Nguyễn Viết Hưởng</i>
TH.S KS: NGUYỄN VIẾT HƯỞNG	
THIẾT KẾ DESIGNED BY	<i>Đặng Ngọc Đức</i>
KS: ĐẶNG NGỌC ĐỨC	
KIỂM CHECKED BY	<i>Nguyễn Văn Quyền</i>
KS: NGUYỄN VĂN QUYỀN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT CHAIR DESIGN	<i>Lê Văn Toàn</i>
KS: LÊ VĂN TOÀN	

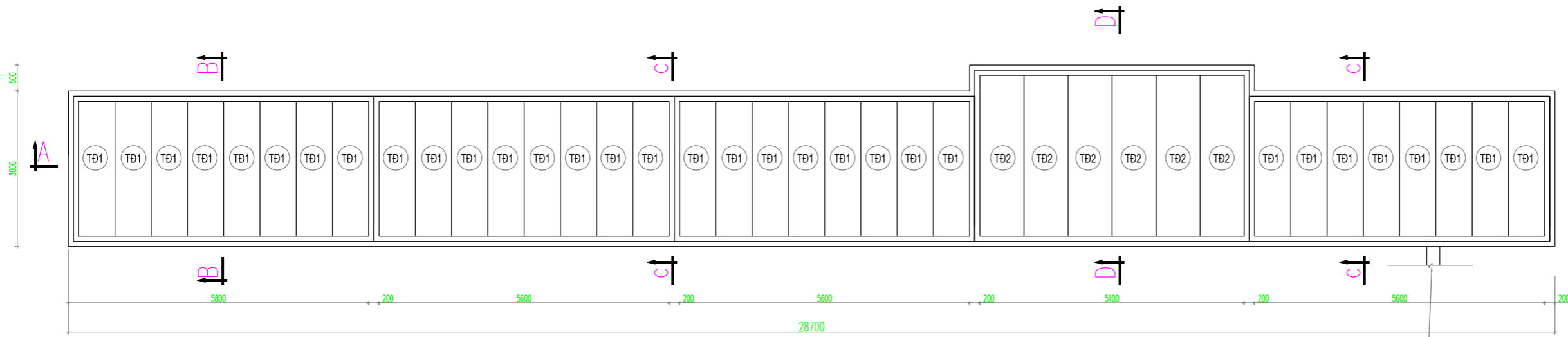
HẠNG MỤC
WORK

KẾT CẤU

TÊN BẢN VẼ
DRAWING TITLE

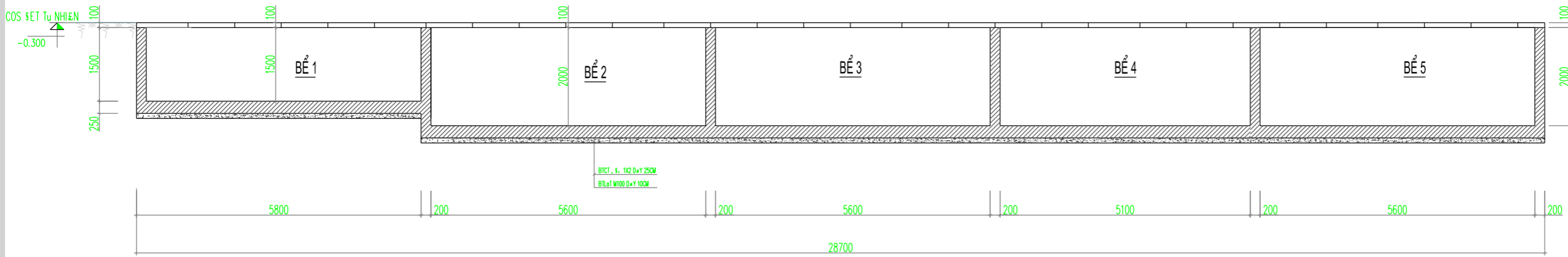
THEO HỢP ĐỒNG SỐ
CONTRACT NO

TỈ LỆ SCALE	KHỔ GIẤY FORMAT	A3
PHÁT HÀNH REVISION	P1	KÍ HIỆU BẢN VẼ DRAWING TITLE
HOÀN THÀNH DATE	2024	

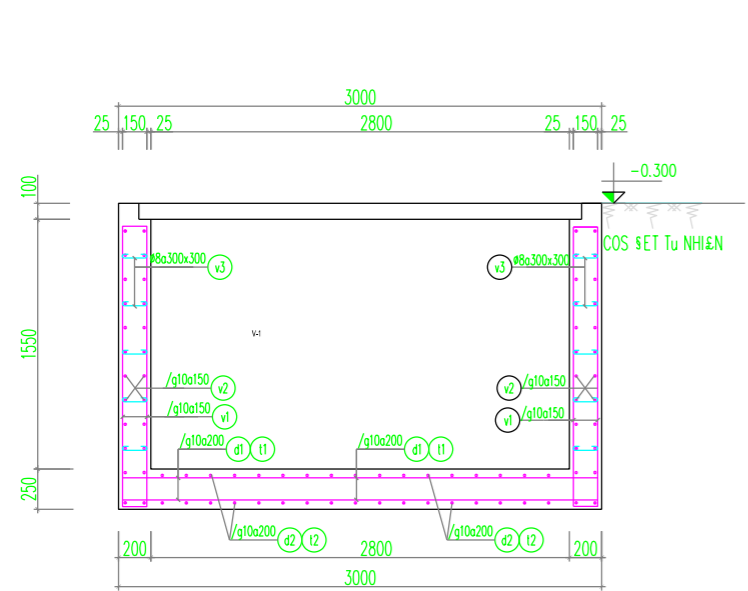


MẶT BẰNG HỆ THỐNG BỂ LẮNG

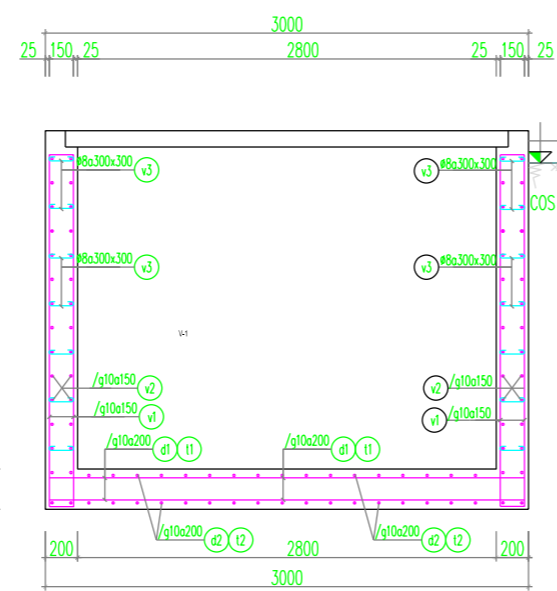
REu nei vii h0 theng
b0 thu n-ic th?i



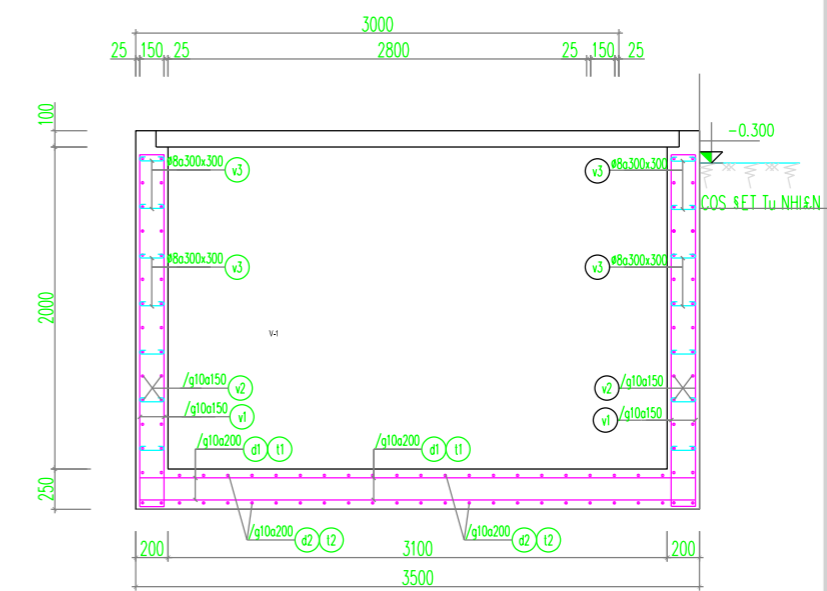
MẶT CẮT A-A HỆ THỐNG BỂ LẮNG



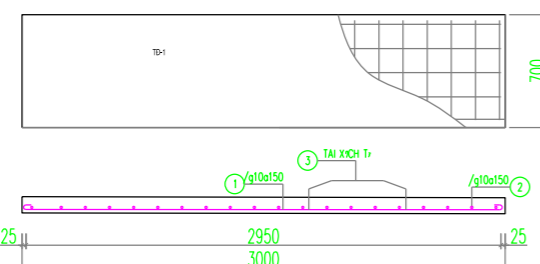
THÉP BỂ LẮNG NƯỚC MẶT CẮT -B-B



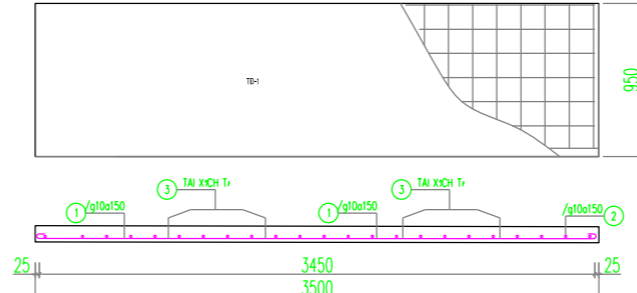
THÉP BỂ LẮNG NƯỚC MẶT CẮT C-C



THÉP BỂ LẮNG NƯỚC MẶT CẮT D-D



TẦM ĐƠN 1 (32 TẦM)

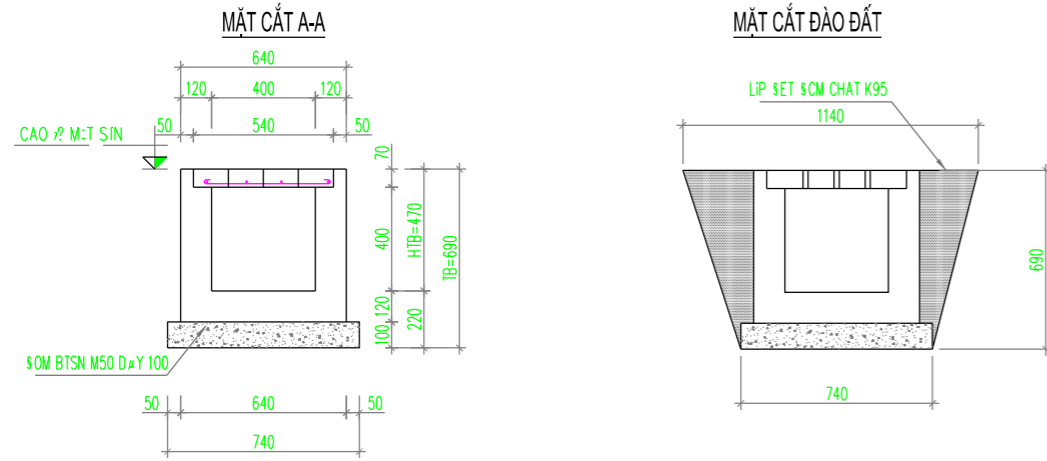


TẦM ĐƠN 1 (6 TẦM)

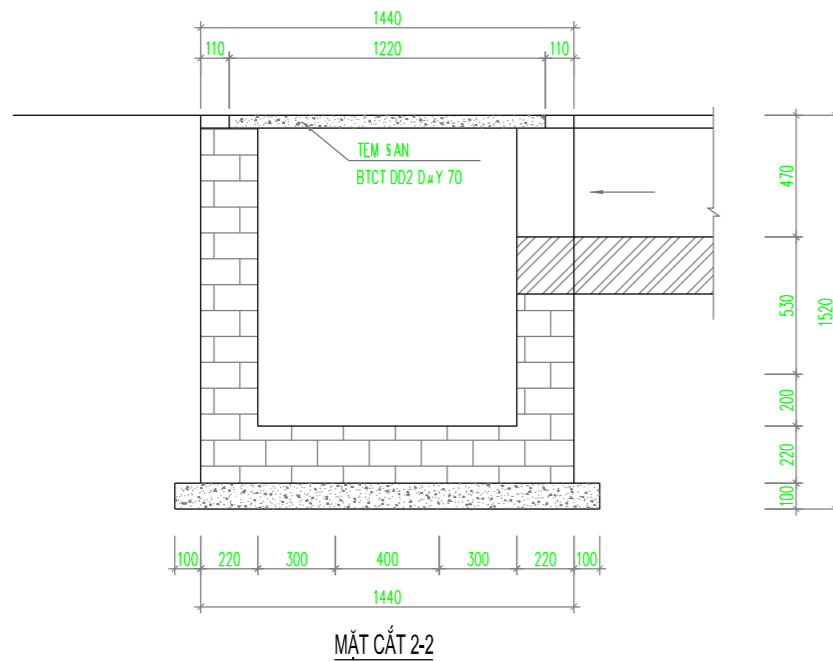
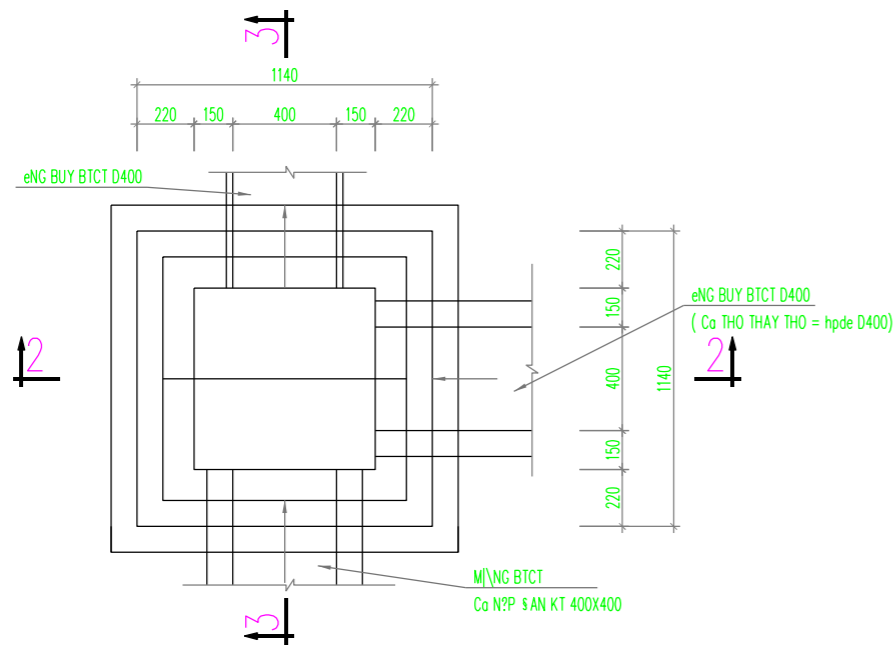
GHI CHÚ:

- THE/SP /D/1/FNG KI/SNH >= 10 , Ca CẶNG S'e RS=225MPA
- THE/SP /D/1/FNG KI/SNH < 10 , Ca CẶNG S'e RS=280MPA
- BÊ TÔNG BƠ NỊC M200/Ca RN=8.5MPA, s. 1X2
- LẬP BÊ TÔNG LỘT DÍNH BT SÍNH NGANG M100f
- Trong qu. tr.Xinh thi c'ng c'Ch K'it h'p vii c. c b'ñ vi lian quan

CẮT NGANG MƯƠNG

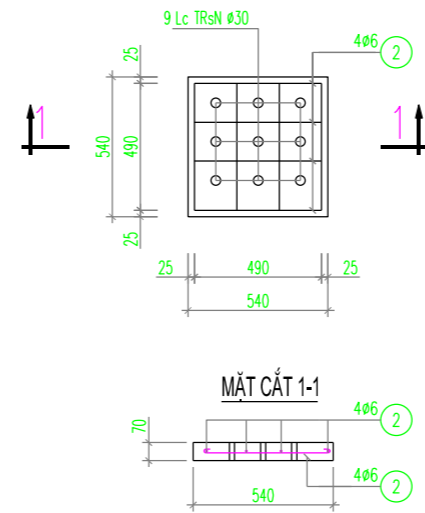


M.B HỔ GA

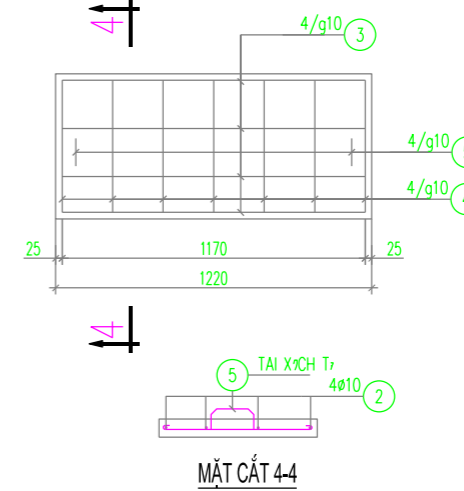


CHI TIẾT ĐẠN Đ1

TỔNG SỐ ĐẠN : 174



CHI TIẾT ĐẠN Đ2



BẢNG TỔNG HỢP VẬT TƯ CHO 525M MƯƠNG

tt	TÊN VẬT TƯ	S\N VẬT	KHỐI LƯỢNG
1	TEM S\AN M200 S, 1X2	M3	42.87
2	BT TH\NH, S, Y M\NG M150 S, 1X2	M3	223.15
3	S\OM LIP SIN NGANG	M3	80.44
4	S\O SET He M\NG	M3	817.19
5	S\?P SET He M\NG SAU THI C\NG	M3	226.23

GHI CHÚ:

- TH\NH S, Y M\NG MT M200 S, 1X2 D=120. TEM S\AN B\NG BTCT M200 S, 1X2 D=170 S\O C 12 Lc Ø30
- CeT THDP Ø6, Ø8 ĐING THDP All Co RA= 2100 (KG//CM2)
- M\NG THIOT KO TR\N NON SET Co RA>1.5 (KG//CM2). NOU KH\NG S\T Y\U CCU TR\N Co BION PH, P GIA Ce NON
- CAO S\e S\ONH M\NG S\IC X. C S\TNH THEO THuC TO THI HION TR\NG, T\NG ONG B\NG CAO S\e S\N S\NG S\O S\?M B\O Mu QUAN
- DoC THEO CHIOU D\ai TUYON M\NG Co 5M Be TRY 1 KHE LoN. GI\A 2 KHE LoN CHIN 3 LIP GIEY S\U TEM NH\A S\NG, TR, T NGO\ai B\NG LIP XMNC M100

THỐNG KÊ THÉP

TE/MN CA/M/SU KIE/M/JN	THE/SP SO/M/S	HI/FNH DA/JNG - KI/SCH TH/CHDA/FY (mm)	DI/SU CHIE/M/FU (mm)	DAI/M/FU (mm)	SO/M/RNG THANH	SO/M/RNG THANH	S\O/M/RNG CHIE/M/FU DA/FI (m)	KHO/M/SI L\J/JNG (kg)			
THÉP NẮP ĐẠN (S\=1)	1	50	490	50	6	590	525	2100	1239.00	275.00	
	2	50	450	50	6	550	525	2100	1155.00	256.36	
	3	50	1170	50	10	1270	2	8	10.16	6.26	
	4	50	560	50	6	660	2	14	9.24	2.05	
	5	100	150	100	150	100	6	600	2	4	2.40

STT	DK	TONGCD	KL
1	10	10.16	6.26
2	6	2405.64	533.94

GHI CHÚ
NOTES
- KIỂM TRA KÍCH THƯỚC THEO THỰC TẾ
- KHI THI CÔNG CẦN KẾT HỢP CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR	
THIẾT KẾ SƠ BỘ	<input type="checkbox"/> FRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	<input type="checkbox"/> YOUR APPROVAL
THIẾT KẾ THI CÔNG	<input type="checkbox"/> CONSTRUCTION
HIỆU CHỈNH	<input type="checkbox"/> REVISED
HOÀN CÔNG	<input checked="" type="checkbox"/> AS-BUILT

TÊN DỰ ÁN
PROJECT TITLE
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT
ĐC: H. LỆ THỦY - T. QUẢNG BÌNH

CHỦ ĐẦU TƯ
OWNER
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VLXD NGUYỄN ANH

TƯ VẤN THIẾT KẾ
CONSULTANT AND DESIGN :

TRUNG ĐÔ VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI TRUNG ĐÔ
ĐC: 37 DƯƠNG VĂN AN - TP. ĐỒNG HỚI - T. QUẢNG BÌNH
TEL: 0705.225.777

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR
Đỗ Trung Phương
ĐỖ TRUNG PHƯƠNG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ
CHAIR DESIGN
TH.S KS: NGUYỄN VIỆT HƯỜNG
Nguyễn Việt Hường

THIẾT KẾ
DESIGNED BY
KS: ĐẶNG NGỌC ĐỨC
Đặng Ngọc Đức

KIỂM
CHECKED BY
KS: NGUYỄN VĂN QUYỀN
Nguyễn Văn Quyền

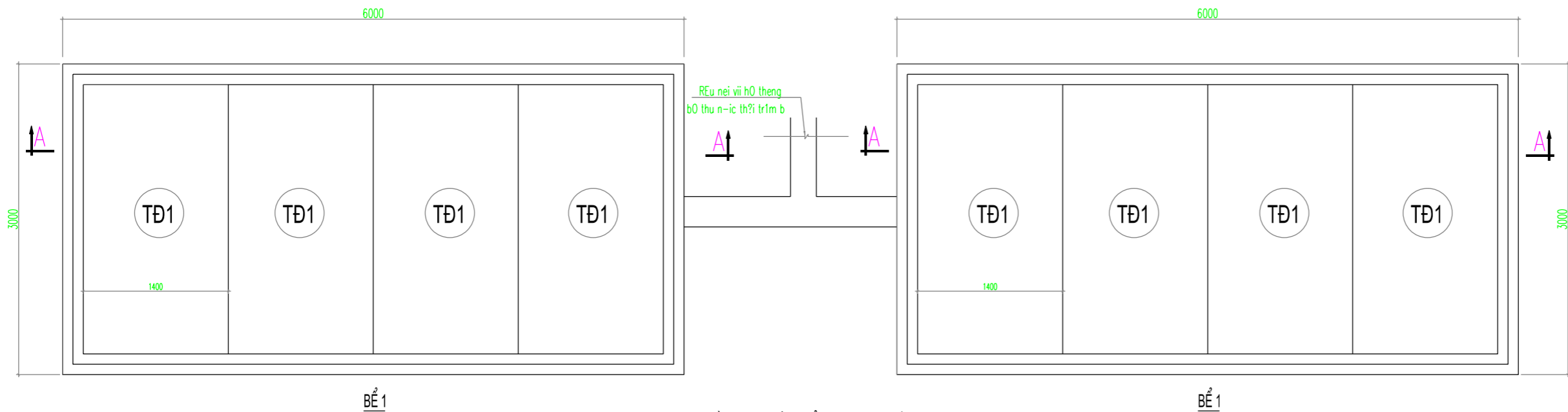
QUẢN LÝ KỸ THUẬT
CHAIR DESIGN
KS: LÊ VĂN TOÀN
Le Van Toan

HẠNG MỤC
WORK
KẾT CẤU

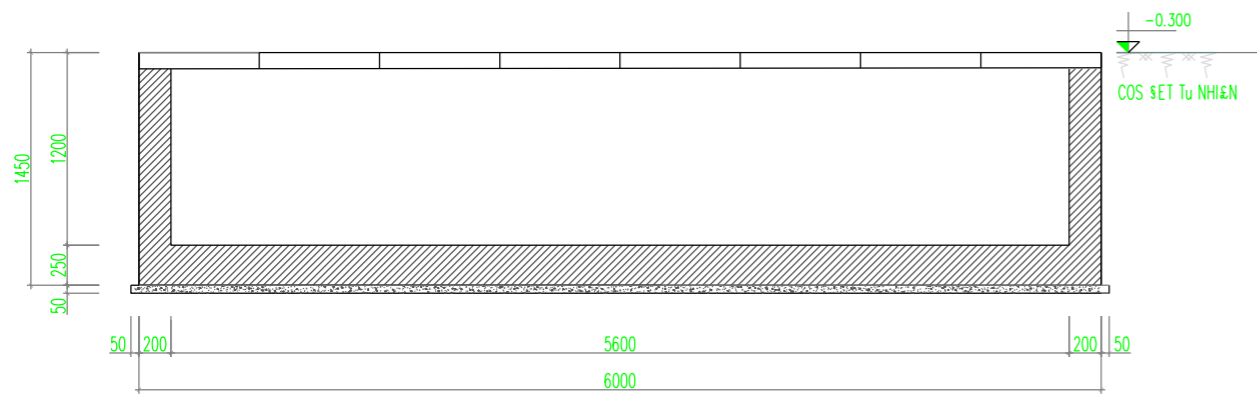
TÊN BẢN VẼ
DRAWING TITLE

THEO HỢP ĐỒNG SỐ
CONTRACT NO

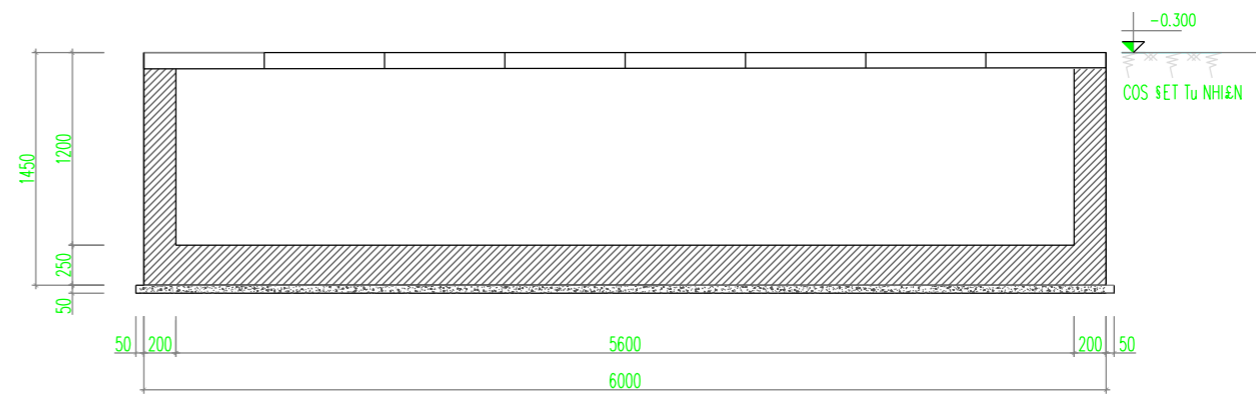
TỈ LỆ SCALE	KHỔ GIẤY FORMAT	A3
PHÁT HÀNH REVISION	P1	KÍ HIỆU BẢN VẼ DRAWING TITLE
HOÀN THÀNH DATE	2024	



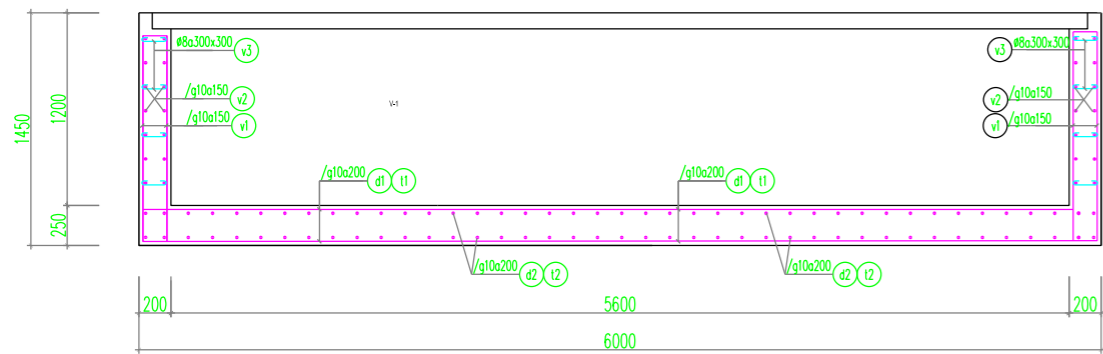
MẶT BẰNG HỆ THỐNG BỂ THU NƯỚC THẢI TRẠM A



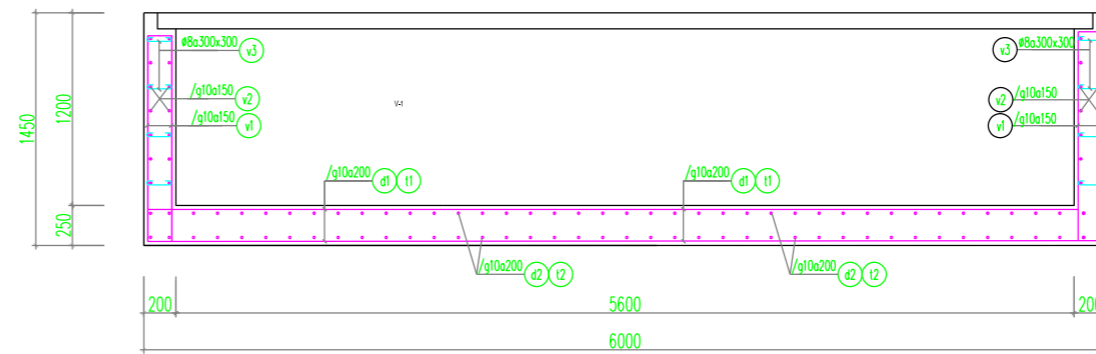
MẶT CẮT A-A BỂ THU NƯỚC THẢI TRẠM A



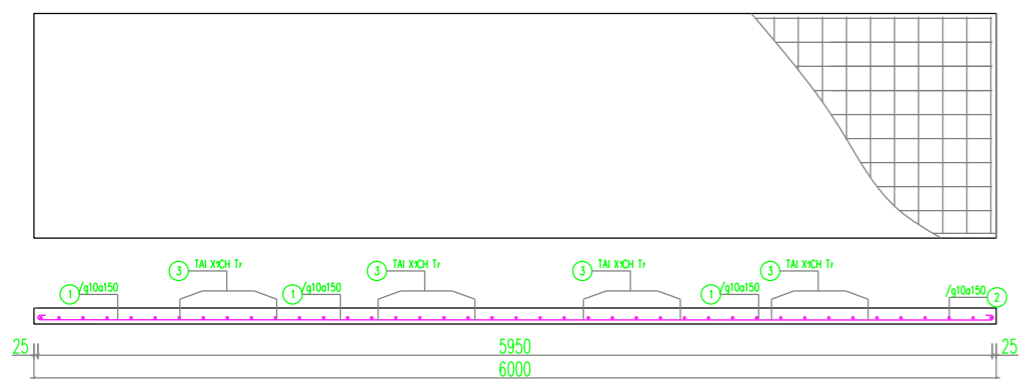
MẶT CẮT A-A BỂ THU NƯỚC THẢI TRẠM A



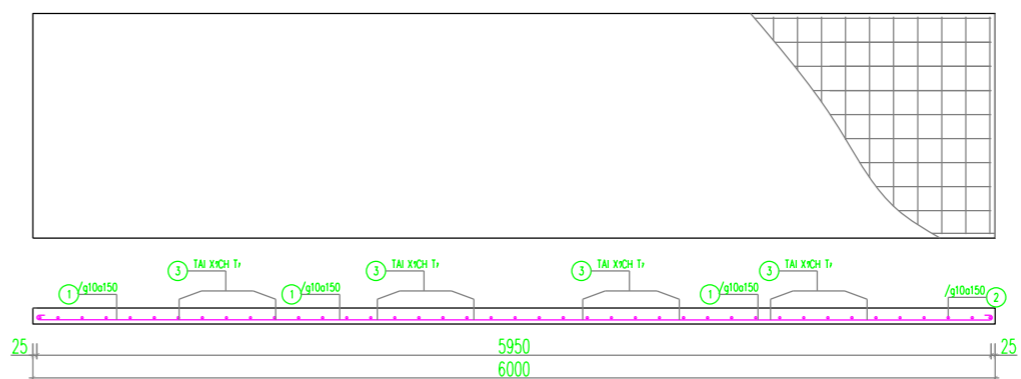
THÉP BỂ 1 THU NƯỚC THẢI TRẠM A CẮT A-A



THÉP BỂ 1 THU NƯỚC THẢI TRẠM A CẮT A-A



TẦM ĐÀN 1 (4 TẦM)



TẦM ĐÀN 1 (4 TẦM)

GHI CHÚ
NOTES
- KIỂM TRA KÍCH THƯỚC THEO THỰC TẾ
- KHI THI CÔNG CẦN KẾT HỢP CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR	
THIẾT KẾ SƠ BỘ	<input type="checkbox"/> FRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	<input type="checkbox"/> YOUR APPROVAL
THIẾT KẾ THI CÔNG	<input type="checkbox"/> CONSTRUCTION
HIỆU CHỈNH	<input type="checkbox"/> REVISED
HOÀN CÔNG	<input checked="" type="checkbox"/> AS-BUILT

TÊN DỰ ÁN
PROJECT TITLE
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT

CHỦ ĐẦU TƯ
OWNER
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT
VLXD NGUYỄN ANH**

TU VẤN THIẾT KẾ
CONSULTANT AND DESIGN :

TRUNG ĐỘ VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG
THƯƠNG MẠI TRUNG ĐỘ
ĐC: 37 DƯƠNG VĂN AN - TP. ĐỒNG HỚI - T. QUẢNG BÌNH
TEL: 0705.225.777

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

ĐỖ TRUNG PHƯƠNG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ
CHAIR DESIGN
TH.S KS: NGUYỄN VIỆT HƯỜNG

THIẾT KẾ
DESIGNED BY
KS: ĐẶNG NGỌC ĐỨC

KIỂM
CHECKED BY
KS: NGUYỄN VĂN QUYỀN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT
CHAIR DESIGN
KS: LÊ VĂN TOÀN

HẠNG MỤC
WORK
KẾT CẤU

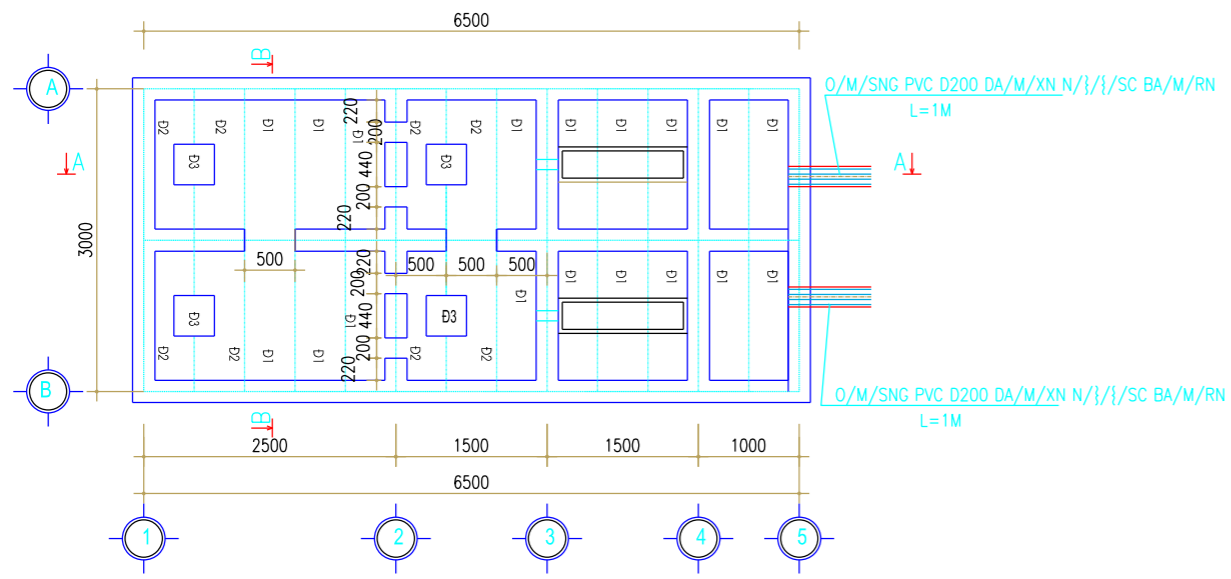
TÊN BẢN VẼ
DRAWING TITLE

THEO HỢP ĐỒNG SỐ
CONTRACT NO

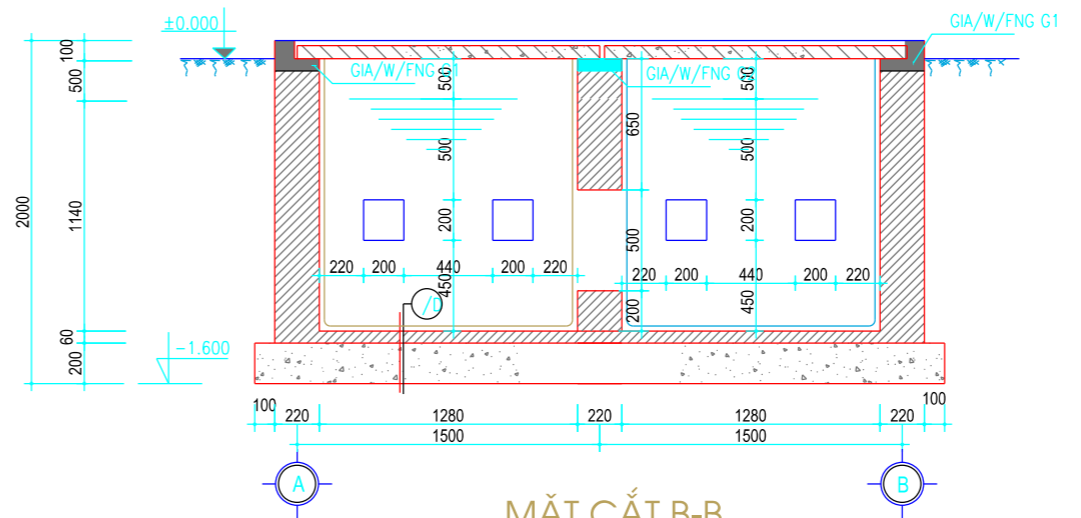
TỈ LỆ
SCALE
KHỔ GIẤY
FORMAT
A3

PHÁT HÀNH
REVISION
P1
KÍ HIỆU BẢN VẼ
DRAWING TITLE

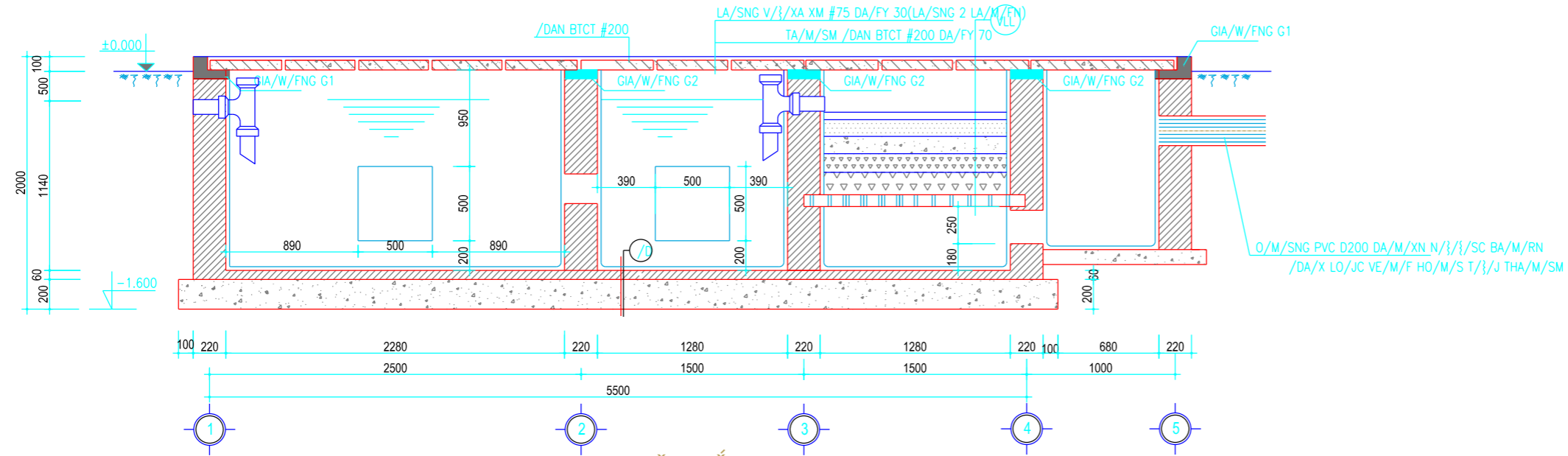
HOÀN THÀNH
DATE
2024



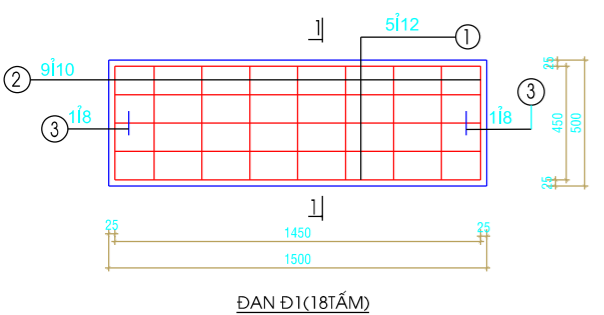
MẶT BẰNG HTXLNT SINH HOẠT



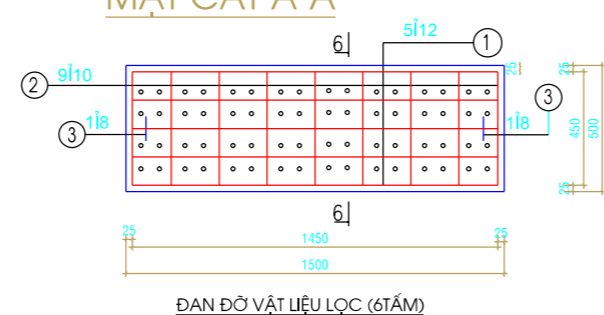
MẶT CẮT B-B



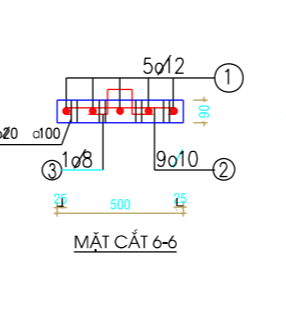
MẶT CẮT A-A



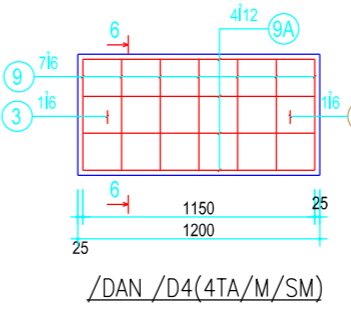
ĐAN Đ1(18TẤM)



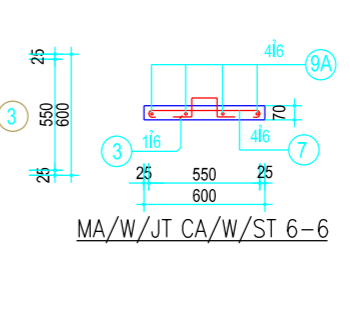
ĐAN ĐỒ VẬT LIỆU LỌC (6TẤM)



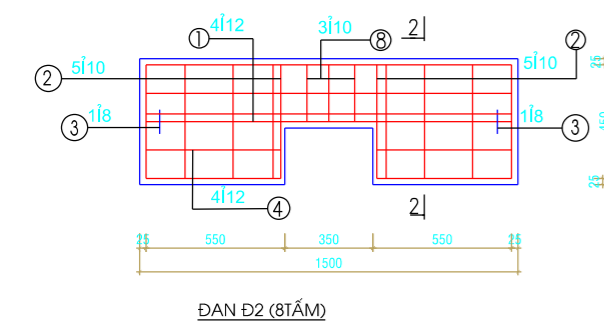
ĐAN MĂNG LỌC (2TẤM; L=1,3M)



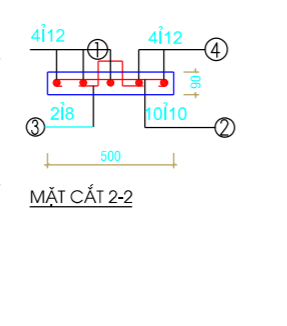
ĐAN /D4(4TA/M/SM)



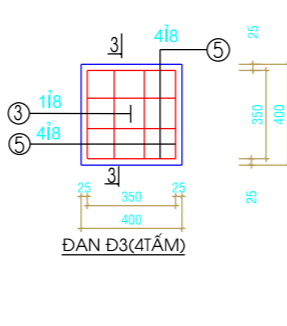
MA/W/JT CA/W/ST 6-6



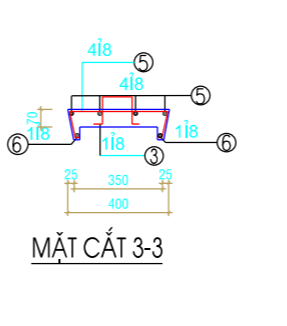
ĐAN Đ2 (8TẤM)



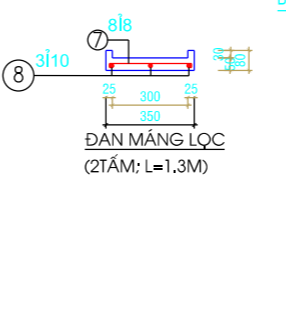
MẶT CẮT 2-2



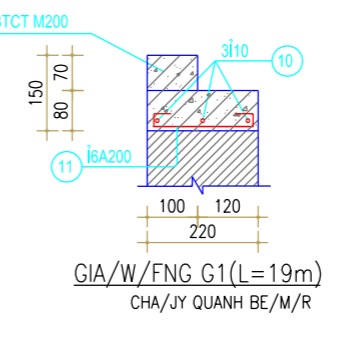
ĐAN Đ3(4TẤM)



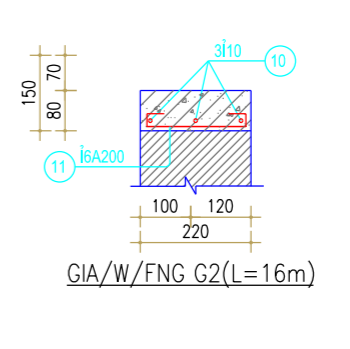
MẶT CẮT 3-3



ĐAN MĂNG LỌC (2TẤM; L=1,3M)



GIA/W/FNG G1(L=19m)
CHA/JY QUANH BE/M/R



GIA/W/FNG G2(L=16m)

GHI CHÚ
NOTES
- KIỂM TRA KÍCH THƯỚC THEO THỰC TẾ
- KHI THI CÔNG CẦN KẾT HỢP CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR	
THIẾT KẾ SƠ BỘ	<input type="checkbox"/> FRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	<input type="checkbox"/> YOUR APPROVAL
THIẾT KẾ THI CÔNG	<input type="checkbox"/> CONSTRUCTION
HIỆU CHỈNH	<input type="checkbox"/> REVISED
HOÀN CÔNG	<input checked="" type="checkbox"/> AS-BUILT

TÊN DỰ ÁN
PROJECT TITLE
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT

CHỦ ĐẦU TƯ
OWNER
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT
VLXD NGUYỄN ANH**

TƯ VẤN THIẾT KẾ
CONSULTANT AND DESIGN :



**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG
THƯƠNG MẠI TRUNG ĐỘ**
ĐC: 37 DƯƠNG VĂN AN - TP. ĐỒNG HỚI - T. QUẢNG BÌNH
TEL: 0705.225.777

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR
Đỗ Trung Phương
ĐỖ TRUNG PHƯƠNG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CHAIR DESIGN TH.S KS: NGUYỄN VIỆT HƯỜNG	<i>Nguyễn Việt Hường</i>
THIẾT KẾ DESIGNED BY KS: ĐẶNG NGỌC ĐỨC	<i>Đặng Ngọc Đức</i>
KIỂM CHECKED BY KS: NGUYỄN VĂN QUYỀN	<i>Nguyễn Văn Quyền</i>
QUẢN LÝ KỸ THUẬT CHAIR DESIGN KS: LÊ VĂN TOÀN	<i>Le Văn Toàn</i>

HẠNG MỤC
WORK
KẾT CẤU

TÊN BẢN VẼ
DRAWING TITLE
**BẢN VẼ HOÀN CÔNG HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI SINH HOẠT**

THEO HỢP ĐỒNG SỐ
CONTRACT NO

TỈ LỆ SCALE	KHỔ GIẤY FORMAT	A3
PHÁT HÀNH REVISION	P1	KÍ HIỆU BẢN VẼ DRAWING TITLE
HOÀN THÀNH DATE	2024	



CÔNG TY TNHH TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG MINH HOÀNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 263
 MINH HOANG RESOURCE AND ENVIRONMENT COMPANY LIMITED
 LABORATORY – VIMCERTS 263

Địa chỉ (Add): 86/60 Vũ Trọng Phụng, Tp Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

SĐT (Tel): 0917.722.332

Email: tmmt.minhhoang@gmail.com

Số: 2023/KQTN-D0904-T89

Ban hành lần: 01

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Tên khách hàng/ Customer : Công ty Cổ phần Sản xuất VLXD Nguyễn Anh
 Địa điểm/ Address : Nhà máy sản xuất Bê tông thương phẩm tại Thôn Xuân Kiêu
 – xã Quảng Xuân – huyện Quảng Trạch - Tỉnh Quảng Bình
 Tên mẫu/ Name of sample : Nước thải công nghiệp
 Mã mẫu/ Sample code : NT471/04092023
 Số lượng/ Quantity : 01
 Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/09/2023
 Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 11/09/2023

STT Số	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Test method	Kết quả thử nghiệm/ Result	QCVN 40: 2011/BTNMT (cột B)
				NT	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,57	5,5 - 9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	SMEWW 2540.D: 2017	57	100
3	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	71,2	150
4	Amoni (tính theo N)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	1,83	10
5	Tổng Nitơ	mg/l	TCVN 6638:2000	20,3	40
6	Tổng Phospho (tính theo P)	mg/l	TCVN 6202:2008	2,73	6

Chú:

Địa điểm lấy mẫu/Sampling location:

T: Mẫu nước được lấy tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải sản xuất của cơ sở. Tọa độ: 106°25'56.5"E;
 16°46'55.3"N

Quy chuẩn so sánh/Comparative standards:

QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp;

Loại B: quy định giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước
 không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Head of Laboratory *Trương Văn Dũng*

Trương Văn Dũng

Trương Văn Dũng

Quảng Bình, ngày 11 tháng 09 năm 2023



Trần Thị Ngọc Bé

- (-) Không quy định
 - Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
 - Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các chỉ tiêu đánh dấu (*) chưa được công nhận VIMCERTS và được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
 - Không tự ý sao lưu kết quả thí nghiệm và đưa ra ý kiến



CÔNG TY TNHH TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG MINH HOÀNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM - VIMCERTS 263
 MINH HOANG RESOURCE AND ENVIRONMENT COMPANY LIMITED
 LABORATORY - VIMCERTS 263

Địa chỉ (Add): 86/60 Vũ Trọng Phụng, Tp. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
 SDT (Tel): 0917.722.332 Email: tmt.minhhoang@gmail.com

Số: 2023/KQTN-D0904-K87

Ban hành lần: 01

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Tên khách hàng/ Customer : Công ty Cổ phần Sản xuất VLXD Nguyên Anh
 Địa điểm/ Address : Nhà máy sản xuất Bê tông thương phẩm tại Thôn Xuân
 Kiều - xã Quảng Xuân - huyện Quảng Trạch - Tỉnh
 Quảng Bình
 Tên mẫu/ Name of sample : Không Khí
 Mã mẫu/ Sample code : KK471/04092023
 Số lượng/ Quantity : 03
 Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 04/09/2023
 Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 11/09/2023

TT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Test method	Kết quả thử nghiệm/ Result			QCVN 05: 2013/BTNMT
				K1	K2	K3	
1	Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,158	0,151	0,122	0,3
2	CO	mg/m ³	SOP.MH.KXQ-LAB-05	-	3,41	-	30
3	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	-	0,066	-	0,35
4	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137: 2009	-	0,066	-	0,2
5	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	66,4	67,7	62,3	70 ⁽¹⁾

Chú:

1) **trí lấy mẫu/Sampling location:**

K1: Khu vực bãi đổ vật liệu. Tọa độ: 17°46'57.0"N; 106°25'54.9"E;

K2: Khu vực trạm trộn bê tông thương phẩm. Tọa độ: 17°46'56.5"N; 106°25'56.3"E;

K3: Khu vực cổng vào Nhà máy. Tọa độ: 17°46'59.3"N; 106°25'56.2"E.

2) **Quy chuẩn so sánh/Comparative standards:**

QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (trung
 tâm 1 giờ);

1) QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
 Head of Laboratory *atn*

Trương Văn Dũng
Trương Văn Dũng

Quảng Bình, ngày 11 tháng 09 năm 2023



GIÁM ĐỐC
 Director

Trần Thị Ngọc Bé
Trần Thị Ngọc Bé

- (-) Không quy định
 - Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
 - Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 - Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
 - Các chỉ tiêu đánh dấu (*) chưa được công nhận Vimecerts và được thực
 hiện bởi nhà thầu phụ.
 - Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm.



CÔNG TY TNHH TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG MINH HOÀNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM - VIMCERTS 263
MINH HOANG RESOURCE AND ENVIRONMENT COMPANY LIMITED
LABORATORY - VIMCERTS 263

Địa chỉ (Add): 86/60 Vũ Trọng Phụng, Tp Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
SĐT (Tel): 0917.722.332 Email: tnm.minhhoang@gmail.com

Số: 2024/KQTN-D0322-K53

Ban hành lần: 01

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên khách hàng/ Customer : Công ty Cổ phần Sản xuất VLXD Nguyên Anh
- Địa điểm/ Address : Nhà máy sản xuất Bê tông thương phẩm tại Thôn Xuân Kiều - xã Quảng Xuân - huyện Quảng Trạch - Tỉnh Quảng Bình
- Tên mẫu/ Name of sample : Không Khí
- Mã mẫu/ Sample code : KK25/22032024
- Số lượng/ Quantity : 03
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 22/03/2024
- Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 29/03/2024

STT / No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Test method	Kết quả thử nghiệm/ Result			QCVN 05: 2023/BTNMT
				K1	K2	K3	
1	Bụi lơ lửng (TSP)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,140	0,149	0,119	0,3
2	CO	mg/m ³	SOP.MH.KXQ-LAB-05	-	3,34	-	30
3	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	-	0,069	-	0,35
4	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137: 2009	-	0,065	-	0,2
5	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	64,7	66,9	62,5	70 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu/Sampling location:
 - + K1: Khu vực bãi đổ vật liệu (17046'57.0"N; 106025'54.9"E);
 - + K2: Khu vực trạm trộn bê tông thương phẩm (17046'56.5"N; 106025'56.3"E).
 - + K3: Khu vực công vào Nhà máy (17046'59,3"N; 106025'56.2"E)
- Quy chuẩn so sánh/Comparative standards:
 - + QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí (trung bình 1 giờ);
 - + ⁽¹⁾ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Head of Laboratory

Trương Văn Dũng

Quảng Bình, ngày 29 tháng 03 năm 2024



GIÁM ĐỐC
Director

Trần Thị Ngọc Bé

- (-) Không quy định
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
- Các chỉ tiêu đánh dấu (*) chưa được công nhận Vimcerts và được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm.



CÔNG TY TNHH TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG MINH HOÀNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM - VIMCERTS 263
MINH HOANG RESOURCE AND ENVIRONMENT COMPANY LIMITED
LABORATORY - VIMCERTS 263

Địa chỉ (Add): 86/60 Vũ Trọng Phụng, Tp Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
SĐT (Tel): 0917.722.332 Email: tnmt.minhhoang@gmail.com

Số: 2024/KQTN-D0322-M54

Ban hành lần: 01

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Customer : Công ty Cổ phần Sản xuất VLXD Nguyên Anh
2. Địa điểm/ Address : Nhà máy sản xuất Bê tông thương phẩm tại Thôn Xuân Kiều - xã
Quảng Xuân - huyện Quảng Trạch - Tỉnh Quảng Bình
3. Tên mẫu/ Name of sample : Nước mặt
4. Mã mẫu/ Sample code : NM25/22032024
5. Số lượng/ Quantity : 01
6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 22/03/2024
7. Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 29/03/2024

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Test method	Kết quả thử nghiệm/ Result	QCVN 08:2023 /BTNMT
				NM	Mức B
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,59	6,0 - 8,5
2	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	8,43	15
3	Nitrat (tính theo N)	mg/l	TCVN 6180:1996	0,94	-
4	Photphat (Tính theo P)	mg/l	TCVN 6202:2008	0,1	-
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	0,16	0,3

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu/Sampling location:

+ NM: Mẫu nước mặt tại khu vực Nhà máy (Kinh độ: 106025'56.7"E; Vĩ độ: 17046'54.9"N).

- Quy chuẩn so sánh/Comparative standards:

+ QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

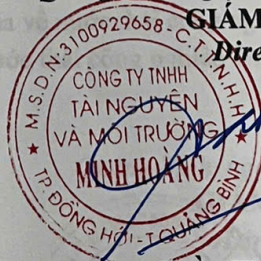
Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Head of Laboratory

Trương Văn Dũng

Quảng Bình, ngày 29 tháng 03 năm 2024

GIÁM ĐỐC
Director



Trần Thị Ngọc Bé

- (-) Không quy định

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

- Các chỉ tiêu đánh dấu (*) chưa được công nhận Vimecerts và được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm



CÔNG TY TNHH TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG MINH HOÀNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM - VIMCERTS 263
MINH HOANG RESOURCE AND ENVIRONMENT COMPANY LIMITED
LABORATORY - VIMCERTS 263

Địa chỉ (Add): 86/60 Vũ Trọng Phụng, Tp Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
SốĐT (Tel): 0917.722.332 Email: tmt.minhhoang@gmail.com

Số: 2024/KQTN-D0322-T55

Ban hành lần: 01

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên khách hàng/ Customer : Công ty Cổ phần Sản xuất VLXD Nguyên Anh.
- Địa điểm/ Address : Nhà máy sản xuất Bê tông thương phẩm tại Thôn Xuân Kiều
- xã Quảng Xuân - huyện Quảng Trạch - Tỉnh Quảng Bình.
- Tên mẫu/ Name of sample : Nước thải công nghiệp
- Mã mẫu/ Sample code : NT25/22032024
- Số lượng/ Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 22/03/2024
- Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 29/03/2024

STT / No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Test method	Kết quả thử nghiệm/ Result	QCVN 40: 2011/BTNMT (cột B)
				NTCN	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,12	5,5-9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	SMEWW 2540.D: 2017	45	100
3	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	58,27	150
4	Amoni (tính theo N)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	3,16	10
5	Tổng Nitơ	mg/l	TCVN 6638:2000	4,67	40
6	Tổng P	mg/l	TCVN 6202:2008	1,86	6

Ghi chú:

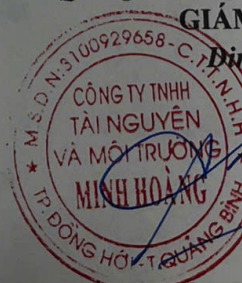
- Vị trí lấy mẫu/Sampling location:
+ NTCN: Mẫu nước được lấy tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải sản xuất của cơ sở (Kinh độ: 106025'56.5"E; Vĩ độ: 17046'55.3"N).
- Quy chuẩn so sánh/Comparative standards:
+ QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp;
Cột B: quy định giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Head of Laboratory

Trương Văn Dũng

Quảng Bình, ngày 29 tháng 03 năm 2024

GIÁM ĐỐC
Director



Trần Thị Ngọc Bé

- (-) Không quy định
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
- Các chỉ tiêu đánh dấu (*) chưa được công nhận Vimecerts và được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm